

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS NGHĨA DŨNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

QUẢNG NGÃI - NĂM 2023

UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS NGHĨA DŨNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Xuân Hạnh	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Trần Đình Long	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
3	Lê Thị Mỹ Thanh	Thư ký Hội đồng	Thư ký tổng hợp	
4	Phạm Viết Hưng	Chủ tịch CĐCS	Thành viên	
5	Huỳnh Minh Lợi	Tổ trưởng Tổ KHTN	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Tổ trưởng Tổ KHXX	Thành viên	
7	Lương Thị Ngân	Tổ phó Tổ KHTN	Thành viên	
8	Phạm Thị Thương	Tổ phó Tổ KHXX	Thành viên	
9	Đào Minh Hiếu	Bí thư chi đoàn	Thành viên	
10	Bùi Thị Thúy Oanh	Tổng phụ trách Đội	Thành viên	
11	Trần Ngọc Thương	GV PT CSVC	Thành viên	
12	Bùi Thị Lan Viên	Giáo viên	Thành viên	
13	Nguyễn Thị Như Thảo	Giáo viên	Thành viên	
14	Võ Thị Xuân Lộc	Giáo viên	Thành viên	
15	Ngô Thị Thanh Tuyền	Giáo viên	Thành viên	
16	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	Thư viện	Thành viên	
17	Nguyễn Thị Hồng Châu	Kế toán	Thành viên	
18	Đặng Thị Như Quỳnh	Văn thư	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	19
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	19
Tiêu chuẩn 1	19
Mở đầu	19
Tiêu chí 1.1	20
Tiêu chí 1.2	22
Tiêu chí 1.3	24
Tiêu chí 1.4	26
Tiêu chí 1.5	29
Tiêu chí 1.6	31
Tiêu chí 1.7	33
Tiêu chí 1.8	35
Tiêu chí 1.9	37
Tiêu chí 1.10	39
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	41
Tiêu chuẩn 2	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 2.1	43
Tiêu chí 2.2	45
Tiêu chí 2.3	48
Tiêu chí 2.4	50
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	52

Tiêu chuẩn 3	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 3.1	53
Tiêu chí 3.2	55
Tiêu chí 3.3	57
Tiêu chí 3.4	59
Tiêu chí 3.5	60
Tiêu chí 3.6	63
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	65
Tiêu chuẩn 4	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 4.1	66
Tiêu chí 4.2	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	71
Tiêu chuẩn 5	71
Mở đầu	72
Tiêu chí 5.1	75
Tiêu chí 5.2	78
Tiêu chí 5.3	80
Tiêu chí 5.4	82
Tiêu chí 5.5	84
Tiêu chí 5.6	88
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	88
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	90
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	92
Phần IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết đầy đủ	Viết tắt
1	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
2	Giáo viên	GV
3	<i>Ban đại diện cha mẹ học sinh</i>	BĐDCMHS
4	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	HĐNGLL
5	<i>Hội đồng sư phạm</i>	HĐSP
06	<i>Kiểm định chất lượng</i>	KĐCL
07	Tiểu học	TH
08	Trung học cơ sở	THCS
09	Ủy ban nhân dân	UBND
10	Hội đồng nhân dân	HĐND
11	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
12	Phổ cập giáo dục	PCGD
13	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	TNCSHCM
14	Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	TNTPHCM
15	Cán bộ giáo viên nhân viên	CBGVNV
16	Tự đánh giá	TĐG
17	An toàn giao thông	ATGT

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá (Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2		x	x	
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	Không đạt
Tiêu chuẩn 3		x	x	
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.6		x	x	Không đạt
Tiêu chuẩn 4		x	x	
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5		x	x	
Tiêu chí 5.1		x	x	Không đạt
Tiêu chí 5.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Tiêu chí 5.6		x	x	x
--------------	--	---	---	---

Kết quả: Đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường/trung tâm (theo quyết định mới nhất): THCS Nghĩa Dũng.

Tên trước đây (nếu có): Không.

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Quảng Ngãi.

Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Quảng Ngãi	Họ và tên Hiệu trưởng	Trần Xuân Hạnh
Huyện/quận/thị xã/thành phố	TP Quảng Ngãi	Điện thoại	02553822010
Xã/phường/thị trấn	Nghĩa Dũng	FAX	
Đạt chuẩn quốc gia	2013	Website	http://c2nghiadungtp.quangngai.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1991	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
-------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

Khối lớp 6	3	3	3	3	3
Khối lớp 7	3	3	3	3	3
Khối lớp 8	3	3	3	3	3
Khối lớp 9	3	3	3	3	3
Cộng	12	12	12	12	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
I	Phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập	14	14	14	14	14
1	Phòng học	12	12	12	12	12
a	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	02	02	02	02	02
a	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	02	02	02	02	02
a	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính – quản trị	09	09	09	09	09
1	Phòng kiên cố	09	09	09	09	09

2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	01	01	01	01	01
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	01	01	01	01	01
	Cộng	25	25	25	25	25

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01		Kinh	0	01	01	
Phó hiệu trưởng	01		Kinh	0	01	0	
Giáo viên	23	18	Kinh	03	20	0	
Nhân viên	03	03	Kinh	0	03	03	
Cộng	28	21	Kinh	03	25	4	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	23	24	24	23	23
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,91	2,0	2,0	1,9	1,9
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	1/15,52	1/17,43	1/16,38	1/17,66	1/16,84
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	1	0	0	0

5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
	Số liệu khác(nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	401	393	424	387	416	
	- Nữ	193	186	203	190	216	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
	- Khối lớp 6	102	108	120	75	120	
	- Khối lớp 7	105	96	110	119	74	
	- Khối lớp 8	100	99	95	106	121	
	- Khối lớp 9	94	90	99	87	102	
2	Tổng số tuyển mới	102	105	120	75	120	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	33,41	32,75	35,33	32,25	34,66	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
	Tổng số học sinh						

8	giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	19	21	14	2	05	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	22	19	12	18	15	
	- Nữ	11	9	4	7	6	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	1	1	2	2	1	
	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi	12%	17%	15,09%	14,21%	8,9%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	28,5%	29%	28,54%	28,17%	22,4%	
Tỉ lệ học sinh xếp trung bình	55,3%	43,8%	45,45%	49,87%	40,5%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	4,2%	10,2%	10,92%	7,75%	28,2%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	82,6%	79,4%	75%	74,68%	67,5%	
Tỉ lệ học sinh xếp	16,7%	18,8%	22,05%	24,54%	28,2%	

loại hạnh kiểm khá						
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0,7%	1,8%	1,77%	0,78%	4,1%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Yếu	0	0	1,18%	0	0,2%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Tình hình chung của nhà trường

- Trường THCS Nghĩa Dũng được thành lập năm 1991 trên cơ sở được tách ra từ Trường PTCS xã Nghĩa Dũng theo QĐ số 281/QĐ-UB ngày 22/8/1990 của Chủ tịch UBND thị xã Quảng Ngãi.

- Được sự chỉ đạo sâu sát của Phòng GD&ĐT, sự quan tâm thiết thực của chính quyền địa phương cùng với sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh, Trường THCS Nghĩa Dũng đã được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2013.

- Trong những năm qua, trường THCS Nghĩa Dũng đã từng bước khẳng định chất lượng của mình trong toàn tỉnh. Nhà trường có đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Trường có nhiều cán bộ giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cấp tỉnh, cấp cơ sở và là giáo viên cốt cán về chuyên môn của Phòng GD&ĐT thành phố Quảng Ngãi. Qua hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, trường đều có giáo viên tham gia và đạt thành tích cao. Đến năm học 2022 - 2023 trường có 15 GV dạy giỏi cấp tỉnh, 20 GV dạy giỏi cấp thành phố, 20 CSTĐ cấp cơ sở, 01 chiến sỹ thi đua cấp tỉnh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, trách nhiệm, cầu tiến.

- Năm học 2022-2023, trường có 28 CB-GV-NV trong đó có 23 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 100% giáo viên có trình độ từ CĐSP trở lên, trong đó có 01 cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ (hiện đang làm NCS), 20 giáo viên có trình độ Đại học và 03 giáo viên có trình độ CĐSP (01 giáo viên đang học Đại học, 02 giáo viên đến năm 2024 sẽ về hưu). Số học sinh là 416 em chia thành 12 lớp. Trường có tổ chức chi bộ Đảng gồm 17 Đảng viên, liên tục đạt tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện cuộc vận động “Hai không” với bốn nội dung, các cuộc vận động lớn của Ngành, cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách

Hồ Chí Minh”, phong trào thi đua “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, đặc biệt thực hiện chủ đề năm học “Tiếp tục đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục”, Trường THCS Nghĩa Dũng đã quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá đối với học sinh.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Nhà trường đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy. Đến nay 100% giáo viên soạn bài bằng máy vi tính và 100% giáo viên biết truy cập và sử dụng tư liệu trên mạng vào dạy học, biết sử dụng các phần mềm Powerpoint, Elearning,... để soạn giáo án.

- Với sự cố gắng của tập thể nhà trường, Trường THCS Nghĩa Dũng liên tục nhiều năm được công nhận danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến.

- Để xứng đáng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương, sự tin yêu của nhân dân xã Nghĩa Dũng, trong năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, nhà trường thực hiện triệt để và nghiêm túc Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Nhà trường xác định, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế trí thức. Chính vì vậy, cùng với việc đổi mới nội dung; phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá; bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Nhà trường đã xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục trong kiểm định chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua đó, nhà trường tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, nhà trường có thể xác định được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, xác định được kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo tiêu chí. Từ đó, nhà trường cam kết, từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng mũi nhọn.

II. Mục đích của tự đánh giá

- Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Về phạm vi tự đánh giá cơ sở trường bao quát toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT.

- Về phương pháp và công cụ đánh giá: Để tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học làm công cụ đánh giá. Từ đó mô tả hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng và tự đánh giá theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn.

- Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học. Sau khi nhận được công văn của Phòng GD&ĐT thành phố về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng trong các trường THCS, Trường THCS Nghĩa Dũng đã triển khai công việc, cụ thể như sau:

- Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá;

- Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng TĐG; công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; phân công dự thảo kế hoạch TĐG.

- Xây dựng kế hoạch triển khai công tác kiểm định tại đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch công tác tự đánh giá cơ sở trường.

- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường;

- Tổ chức triển khai TĐG cho các thành viên của Hội đồng TĐG, giáo viên và nhân viên;

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu;

- Chuẩn bị đề cương báo cáo TĐG;

- Thu thập thông tin và minh chứng;

- Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được;

- Các cá nhân, nhóm chuyên trách hoàn thiện các Phiếu đánh giá tiêu chí;

- Họp Hội đồng TĐG để: Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; Điều chỉnh đề cương báo cáo TĐG và xây dựng đề cương chi tiết;

- Họp Hội đồng TĐG, Thông qua đề cương chi tiết báo cáo TĐG;

- Kiểm tra lại thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG;

- Hoàn thiện báo cáo TĐG;

- Họp Hội đồng TĐG để thông qua bản báo cáo TĐG đã sửa chữa;

- Công bố báo cáo TĐG trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp;

- Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo TĐG;

- Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện trong nhà trường;

- Nộp báo cáo tự đánh giá cho Phòng GD&ĐT.

- Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí; thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan... Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: bộ tiêu chí quản lý chất lượng giáo dục của trường THCS để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, sử dụng máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng Internet... để thu thập thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá.

- Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả, nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục gồm 18 thành viên với đầy đủ các thành phần; cấp uỷ chi bộ, Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, phụ trách các tổ chức đoàn thể trong trường. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực mỗi người để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường nhằm biết mình đang ở cấp độ nào? Uy tín của nhà trường với cha mẹ học sinh, địa phương, nhân dân với ngành đến đâu? Từ đó biết rõ thực trạng chất lượng giáo dục của trường để giải trình với các cơ quan chức năng, cơ quan cấp trên và đăng ký kiểm định chất lượng để được công nhận theo quy định.

III. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

1. Quá trình tự đánh giá.

- Thực hiện theo thông tư 18/2019/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Bộ GD&ĐT (thay cho TT 42/BGDĐT) và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

- Qua công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà trường sẽ thấy được thực trạng điểm mạnh, điểm yếu của trường, xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phấn đấu, có biện pháp cải tiến chất lượng nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt.

- Quá trình tự đánh giá đã được thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai và khoa học. Trong quá trình tự đánh giá, HĐTĐG đã phân công và xây dựng kế hoạch cụ thể. Để đảm bảo tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thu thập các minh chứng chính xác.

2. Những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá.

- Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường cần đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo TĐG còn đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và đặc biệt một nội dung rất quan trọng, rất cần thiết trong mỗi tiêu chí đó là kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi.

- Để thể hiện tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thể hiện qua các mã

minh chứng, đó là bằng chứng cho sự lao động nghiêm túc của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường. Sau nhiều tháng làm việc đầy tâm huyết và trách nhiệm, công tác TĐG của trường đã cơ bản thành công. Đó là bằng chứng cho thấy các hoạt động của nhà trường, sự phấn đấu vươn lên của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường trong những năm qua. Bản báo cáo là công trình khoa học tập trung trí tuệ và công sức cao của tập thể, là nền tảng để nhà trường làm cơ sở phấn đấu trong những năm tiếp theo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ:

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3.

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức quản lý nhà trường

Mở đầu: Ở tiêu chuẩn này nhà trường làm rõ việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường đồng thời xác định rõ phương hướng thực hiện. Phương hướng, chiến lược được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo trình tự, đảm bảo tính pháp lý và được công bố công khai.

Cũng tại tiêu chuẩn này cho chúng ta thấy quy trình, số lượng thành viên và tổ chức hoạt động của Hội đồng trường, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. Làm rõ công tác nhân sự, lớp học, học sinh theo quy định đồng thời quan tâm tới công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo như việc xem xét kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường, đề cập đến việc đảm bảo các quyền theo quy định đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong đơn vị.

Đối với việc quản lý các hoạt động giáo dục đề cập đến việc xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường việc đánh giá, rà soát, điều chỉnh kịp thời.

Tiêu chuẩn này cũng đề cập đến việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; vấn đề an toàn thực phẩm đối với học sinh. Sau đây là phần đánh giá chi tiết của từng tiêu chí trong tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Ở tiêu chuẩn này nhà trường làm rõ việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục 2019, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1 - 1.1 - 01]; Phương hướng, chiến lược được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo trình tự, đảm bảo tính pháp lý và được công bố công khai [H1 - 1.1 - 02].

- Vào đầu năm học nhà trường đã lập kế hoạch năm học và đã được Phòng GD&ĐT phê duyệt. Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, nhà trường đề ra “Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Văn bản chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được Phòng GD&ĐT thành phố phê duyệt [H1 - 1.1 - 01].

- Được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, phụ huynh và học sinh được biết, được niêm yết tại phòng Hội đồng giáo viên và được đăng tải trên trang Website: <http://c2nghiadungtp.quangngai.edu.vn> của Trường THCS Nghĩa Dũng [H1 - 1.1 - 03].

1.2. Mức 2:

- Nhà trường tổ chức họp định kì nhằm nhận xét đánh giá việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, đề ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Biên bản họp có nội dung giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường [H1 - 1.1 - 04].

1.3. Mức 3:

- Nhà trường tổ chức họp định kỳ nhằm nhận xét đánh giá việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, đề ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Biên bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Hàng năm, từng giai đoạn có rà soát, bổ sung và điều chỉnh chiến lược phát triển của trường trong quá trình thực hiện. Văn bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt [*H1-1.1-01*].

2. Điểm mạnh.

- Chiến lược phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và được công bố công khai dưới hình thức niêm yết tại trường. Các mục tiêu trong chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THCS.

- Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển, nhà trường đã căn cứ vào các nguồn lực nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất hiện tại và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để đề ra mục tiêu phấn đấu và biện pháp thực hiện mang tính khả thi và hằng năm kiểm tra việc thực hiện và bổ sung hiệu quả.

3. Điểm yếu.

- Chiến lược phát triển của nhà trường tuy đã được công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị, nhưng việc tổ chức lấy ý kiến bổ sung rộng rãi của học sinh, phụ huynh và nhân dân chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng chiến lược phát triển nhà trường trong những giai đoạn tiếp theo phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH của địa phương, có tầm nhìn chiến lược để chiến lược phát triển thực sự là kim chỉ nam cho hành động của nhà trường.

- Tiếp tục tranh thủ sự tham mưu, hỗ trợ của tập thể, cá nhân trong việc xây dựng chiến lược phát triển nhà trường; công khai, minh bạch các chỉ tiêu dưới mọi hình thức, đồng thời tham mưu các cấp đưa chỉ tiêu của chiến lược vào Nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch để triển khai thực hiện.

- Tăng cường việc kiểm tra, giám sát thực hiện chiến lược của từng cá nhân, của các bộ phận, của các cấp, trên cơ sở đó, hằng năm các tập thể, cá nhân có liên quan, tham mưu, đề xuất, điều chỉnh, bổ sung các nội dung thực hiện trong từng giai đoạn phù hợp với sự phát triển của nhà trường.

- Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển, nhà trường sẽ tổ chức sơ kết theo định kỳ, rút ra những ưu điểm và hạn chế trên cơ sở các ý kiến góp ý để bổ sung, công khai trên cổng thông tin điện tử nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Hội đồng trường được thành lập theo Điều 20 của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 và Điều 10 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học [H1 - 1.2 - 01]; Hội đồng thi đua khen thưởng, được thành lập theo đúng quy định [H1 - 1.2 - 02]; Hội đồng tư vấn [H1 - 1.2 - 03].

- Hội đồng trường thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định; đã xây dựng và ban hành nghị quyết chiến lược phát triển của nhà trường theo năm học [H1 - 1.2 - 04].

- Định kỳ mỗi học kỳ đều có rà soát, đánh giá các hoạt động để rút kinh nghiệm, bổ sung vào kế hoạch hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại, phát huy ưu điểm, đảm bảo chất lượng và hiệu quả trong các hoạt động [*H1 - 1.1 - 04*].

1.2. Mức 2:

- Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác ở các mặt luôn có hiệu quả thông qua các phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh. Hàng năm, Hội đồng trường lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức đoàn thể và thành viên Hội đồng trường để điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [*H1 - 1.1 - 04*].

2. Điểm mạnh.

- Hội đồng trường hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học; được thành lập theo quyết định của UBND thành phố Quảng Ngãi, đã ban hành quy chế hoạt động, triển khai kế hoạch hoạt động từng năm có hiệu quả.

- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng tư vấn của nhà trường cùng các tổ chức khác hoạt động có hiệu quả cao.

3. Điểm yếu.

- Các thành viên trong các Hội đồng hầu hết là hoạt động kiêm nhiệm nên đôi lúc chưa sâu sát trong việc theo dõi, đóng góp ý kiến trong một số công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục phối hợp với Công đoàn động viên và khích lệ tinh thần thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ của các thành viên trong các hội đồng.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt / Không đạt	Chỉ báo	Đạt / Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Nhà trường có Chi bộ độc lập gồm 14 đảng viên thuộc Đảng bộ xã Nghĩa Dũng [H1 - 1.3 - 01]; Công đoàn cơ sở gồm 28 đoàn viên công đoàn [H1 - 1.3 - 02]; Chi đoàn TNCS HCM có 05 đoàn viên là giáo viên [H1 - 1.3 - 03]; Liên đội TNTP

HCM gồm 12 chi đội với 387 học sinh [H1 - 1.3 - 04]; Tất cả các tổ chức và đoàn thể trên có quyết định thành lập và hoạt động theo đúng quy định.

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đội hoạt động trong nhà trường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm góp phần cùng với nhà trường đẩy mạnh các hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh [H1 - 1.3 - 05]; [H1 - 1.3 - 06]; [H1 - 1.3 - 07]; [H1 - 1.3 - 08].

Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội hàng tháng đều có sinh hoạt định kỳ, cuối kỳ sơ kết và cuối nhiệm kỳ tổng kết rà soát đánh giá rút kinh nghiệm đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới khắc phục tồn tại, xây dựng tổ chức ngày càng phát triển, hoạt động có chiều sâu mang lại hiệu quả thiết thực [H1 - 1.3 - 09]; [H1 - 1.3 - 10]; [H1 - 1.3 - 11]; [H1 - 1.3 - 12].

1.2. Mức 2:

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam; trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 02 năm đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh, 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1 - 1.3 - 13]. Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ thập đỏ có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H1 - 1.3 - 14].

Hàng năm, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy và lãnh đạo nhà trường, tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường nhằm giáo dục, rèn luyện học sinh không chỉ học tập thật tốt mà còn phải rèn luyện sức khỏe, giáo dục về ý thức giữ gìn vệ sinh thường xuyên thông qua những buổi sinh hoạt chuyên đề [H1 - 1.3 - 05]; [H1 - 1.3 - 06]; [H1 - 1.3 - 07]; [H1 - 1.3 - 08].

1.3. Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2019-2022, chi bộ Đảng Trường THCS Nghĩa Dũng có 02 năm đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh, 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H1 - 1.3 - 13].

Các đoàn thể, tổ chức khác như Công Đoàn, Chi đoàn, Liên Đội có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động nhà trường và cộng đồng. [H1 - 1.3 - 14].

2. Điểm mạnh.

Chi bộ, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Đội TNTPHCM, Chi hội Chữ thập đỏ, Chi hội Khuyến học có cơ cấu tổ chức và thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định.

Bí thư chi bộ có trình độ trung cấp lý luận chính trị; Chủ tịch Công đoàn, Tổ trưởng chuyên môn, Tổng phụ trách Đội có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, đạt danh

hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện/thành phố trở lên, có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm trong việc xây dựng kế hoạch tổ và chỉ đạo tổ hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Chi bộ nhà trường 02 năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ; tổ chức Công đoàn trường được Liên đoàn lao động thành phố công nhận vững mạnh; Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh 05 năm được công nhận liên đội mạnh cấp thành phố.

3. Điểm yếu.

Một số giáo viên trẻ chưa mạnh dạn trong việc phát biểu đóng góp ý kiến xây dựng Nghị quyết trong các cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường tiếp tục phát huy dân chủ trong nhà trường và động viên giáo viên trẻ tuổi mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp.

5. Tự đánh giá

MỨC 1		MỨC 2		MỨC 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	B	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hàng năm tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất một chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

Tại thời điểm đánh giá nhà trường có Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng đảm bảo theo quy định trường THCS hạng III. Nhà trường có đủ các quyết định bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng (theo Quyết định số 4257/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi), Phó hiệu trưởng (theo Quyết định số 5995/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch thành phố Quảng Ngãi) đúng qui định [H1 - 1.4 - 01].

Hàng năm Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng đảm bảo đúng quy trình. Hiện nay nhà trường có 02 tổ trưởng tổ chuyên môn và 01 tổ phó tổ văn phòng [H1 - 1.4 - 02].

Hàng năm 02 tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động hàng tháng, hàng tuần để thực hiện nhiệm vụ năm học [H1 - 1.4 - 03]. Cuối học kỳ, cuối năm học có báo cáo sơ kết, tổng kết đầy đủ [H1 - 1.4 - 04].

1.2. Mức 2:

Hàng năm các tổ chuyên môn đều thực hiện được từ 01 đến 02 chuyên đề cấp trường [H1 - 1.4 - 05]. Nhìn chung các chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Các tổ đều có hồ sơ lưu trữ chuyên đề để cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều được rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với hoạt động của tổ nhằm đem lại hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1 - 1.4 - 06].

1.3. Mức 3:

Các nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn và tổ văn phòng tuân thủ nghiêm ngặt theo chỉ đạo của cấp trên và đi vào trọng tâm chuyên môn, mặt khác xuất phát từ thực tế của đội ngũ và học sinh, cũng như qua việc kiểm tra, đánh giá của các cấp lãnh đạo, nên việc bổ sung các biện pháp để nâng cao chất lượng được làm thường xuyên nên rất hiệu quả [**H1-1.4 - 06**].

Các chuyên đề ở tổ chuyên môn được xây dựng từ thực tế của nhà trường nên các nội dung, biện pháp, tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm của đội ngũ và học sinh nên góp phần làm cho chất lượng giáo dục được tăng lên rõ rệt [**H1-1.4 - 05**].

2. Điểm mạnh.

Trường được cơ cấu đúng đủ số lượng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động để thực hiện nhiệm vụ năm học rất cụ thể.

Hàng năm, Ban giám hiệu chỉ đạo cho các tổ chuyên môn tổ chức tốt các chuyên đề ở từng tổ, góp phần tích cực trong việc nâng cao được chất lượng giáo dục của nhà trường. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời hằng tháng.

3. Điểm yếu.

- Số lượng Đoàn viên ít, hiện nay chỉ đoàn chỉ có 10 đoàn viên, lực lượng đoàn viên giáo viên trẻ nhưng có con nhỏ nên không có nhiều thời gian cho công tác Đoàn.
- Kinh phí dành cho hoạt động Đoàn không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Cần có bước đột phá trong xây dựng kế hoạch của Chi bộ trường, Công đoàn, Đoàn, Đội và các tổ chức xã hội khác cho phù hợp với từng năm học để đạt kết quả ngày càng cao hơn.
- Đoàn viên chi Đoàn tham gia nhiệt tình các hoạt động, có kế hoạch gây quỹ cho hoạt động đoàn.
- Liên đội nên có kế hoạch tổ chức thêm các hoạt động ngoài giờ cho các em.
- Hằng năm tiếp tục kiện toàn lại các tiêu chí thi đua, khen thưởng của nhà trường.

5. Tự đánh giá.

MỨC 1		MỨC 2		MỨC 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí: 1.5. Lớp học.

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

Trong những năm học vừa qua, trường có đủ các lớp của cấp học: khối 6 có 3 lớp; khối 7 có 3 lớp; khối 8 có 3 lớp; khối 9 có 3 lớp. Tổng số lớp là 12 lớp [H1 - 1.5 - 01]. Danh sách học sinh các khối lớp được ghi đầy đủ vào sổ đăng bộ [H1 - 1.5 - 02].

Học sinh được tổ chức theo lớp học. Mỗi lớp có một lớp trưởng, hai lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành bốn tổ, mỗi tổ không quá 10 học sinh, có một tổ trưởng, một tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1 - 1.5 - 03].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Hàng năm các lớp đều có biên bản sinh hoạt lớp [H1 - 1.5 - 04].

1.2. Mức 2:

Trường hiện nay có 12 lớp, trung bình mỗi lớp có 35 học sinh đúng theo quy định Điều lệ trường trung học [H1 - 1.5 - 01]; [H1 - 1.5 - 02].

1.3. Mức 3:

Trường hiện nay có 12 lớp, trung bình mỗi lớp có 35 học sinh đúng theo quy định Điều lệ trường trung học, danh sách học sinh từng lớp được thể hiện qua sổ gọi tên và ghi điểm [H1 - 1.5 - 02].

2. Điểm mạnh.

Trường chỉ có một điểm trường nên điều kiện tổ chức các hoạt động dạy học và công tác quản lý có nhiều thuận lợi, nhất là các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Bình quân số học sinh trên mỗi lớp không cao nên có nhiều thuận lợi trong công tác tổ chức giờ dạy hiệu quả.

3. Điểm yếu.

Biên bản sinh hoạt lớp ở một số lớp phần ý kiến đóng góp, xây dựng của học sinh chưa nhiều, học sinh chưa thực sự mạnh dạn đóng góp ý kiến để xây dựng nội dung, kế hoạch trong tháng, tuần.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường chỉ đạo cho giáo viên chủ nhiệm phát huy dân chủ trong học sinh, tạo mối quan hệ gần gũi giữa giáo viên chủ nhiệm với học sinh, khuyến khích các em phát biểu thảo luận để xây dựng phong trào cho lớp. Tổ chức tập huấn cho cán bộ lớp để từng bước nâng cao chất lượng của giờ sinh hoạt lớp.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Trong những năm qua nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo quy định của Điều lệ trường trung học, bao gồm: sổ đăng bộ; sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến; sổ gọi tên ghi điểm, sổ ghi đầu bài; học bạ học sinh; sổ quản lý cấp phát bằng, chứng chỉ; sổ Nghị quyết của nhà trường và của Hội đồng trường; hồ sơ thi đua; hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên; sổ quản lý và lưu trữ các văn bản công văn đi, đến [H1 - 1.6 - 01]; Sổ quản lý tài sản, sổ quản lý tài chính; sổ quản lý thiết bị dạy học thực hành thí nghiệm; hồ sơ quản lý Thư viện; hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh. Danh mục hồ sơ, sổ sách, văn bản lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Hệ thống hồ sơ sổ sách được sử dụng, bảo quản tốt [H1 - 1.6 - 02].

- Nhà trường hàng năm đã tiến hành lập dự toán [H1 - 1.6 - 03]; Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ [H1 - 1.6 - 04]; Thực hiện thu – chi , quyết toán, thống kê, báo cáo

tài chính, theo quy định [H1 - 1.6 - 05] và được các cấp thẩm quyền kiểm tra, phê duyệt [H1 - 1.6 - 06].

- Định kỳ kiểm kê tài sản hàng năm, có sổ theo dõi quản lý tài sản thiết bị, thống kê báo cáo tài sản, thiết bị giáo dục cho các cấp quản lý [H1 - 1.6 - 07].

- Hàng năm, Ban thanh tra nhân dân tiến hành kiểm tra công khai tài chính nhà trường để giám sát hoạt động thu - chi tài chính của nhà trường. Báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động. Các kết luận thanh tra, kiểm tra đều được công khai đúng quy định [H1 - 1.6 - 08].

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Hàng năm có báo cáo đánh giá về dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định, có thông báo của tài chính cấp trên về kết quả kiểm tra, quyết toán hàng năm việc sử dụng ngân sách được giao tại đơn vị [**H1 - 1.6 - 06**].

1.2. Mức 2:

- Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản [H1 - 1.6 - 09].

- Nhà trường có đủ các kết luận của thanh tra, kiểm toán trong 05 năm liên tiếp không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [**H1 - 1.6 - 06**].

1.3. Mức 3:

- Có kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, trung hạn để tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường. Tuy nhiên, các giải pháp huy động nguồn tài chính để xây dựng nhà trường chưa thực sự hiệu quả nên các chỉ tiêu về xây dựng cơ sở vật chất, tạo cảnh quan trường học còn chậm.

2. Điểm mạnh.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản của nhà trường đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo tài chính và các điều kiện về cơ sở vật chất cho nhà trường thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dạy học.

- Nhà trường tập hợp và cập nhật đầy đủ hệ thống các văn bản về quản lý tài sản, tài chính theo quy định. Hàng năm có đánh giá về việc quản lý tài sản, tài chính và việc lưu trữ hồ sơ chứng từ.

- Công tác lập dự toán, thực hiện thu, chi rõ ràng minh bạch, đảm bảo dân chủ và tuân thủ theo quy định của ngành, của cơ quan tài chính và quy định của nhà nước.

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính và công tác tự kiểm tra tài chính hàng năm theo quy định.

3. Điểm yếu.

Việc huy động nguồn vốn bằng công tác xã hội hóa giáo dục đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Nhà trường sẽ tích cực đẩy mạnh phối hợp với các đoàn thể của địa phương, các mạnh thường quân và Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác huy động các nguồn lực xã hội đóng góp phần phát huy hơn nữa xã hội hóa giáo dục.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Trong những năm học vừa qua nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Ngoài ra, Ban giám hiệu nhà trường hàng năm có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và đánh giá quá trình bồi dưỡng đầy đủ. Nhiều giáo viên được nhà trường tạo điều kiện tham gia học Đại học, học Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, trung cấp lý luận chính trị, ... để nâng chuẩn về trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị [H1 - 1.7 - 01]; Kết quả qua các lớp bồi dưỡng, học tập...đạt kết quả theo kế hoạch [H1 - 1.7 - 02].

- Ban giám hiệu nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo khá hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1 - 1.7 - 03]; Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường đều được đảm bảo các quyền lợi và các chế độ theo quy định của Điều lệ trường trung học, Luật Giáo dục [H1 - 1.7 - 04].

1.2. Mức 2:

Ban giám hiệu nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch phát triển năm học và kế hoạch phát triển từng giai đoạn của nhà trường, đưa ra nhiều biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. [H1 -1.7 - 01]; [H1 - 1.7 - 02].

2. Điểm mạnh.

- Trong 5 năm qua tính đến thời điểm tự đánh giá nhà trường đã xây dựng tốt kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Nhà trường tổ chức tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo khá hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều được đảm bảo các quyền theo quy định.

- Các biện pháp phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường đã được vận dụng tốt; chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng tăng thể hiện rõ ở chất lượng mũi nhọn, học sinh giỏi các cấp ngày càng nhiều, tỉ lệ học sinh khá, giỏi tăng đều hàng năm.

3. Điểm yếu.

Một vài giải pháp phát huy năng lực của giáo viên, nhân viên trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch phát huy năng lực của giáo viên, nhân viên một cách cụ thể, có chu kỳ để nâng cao năng lực hoạt động của giáo viên, nhân viên, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đổi mới giáo dục trong thời đại 4.0 hiện nay.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục.

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Ban giám hiệu nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục cụ thể phù hợp với tình hình thực tế địa phương và nhà trường [H1 - 1.8 - 01].

- Hàng năm nhà trường luôn tổ chức, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc, đồng bộ kế hoạch năm học theo quy định của Bộ, Sở và Phòng GD&ĐT. Bên cạnh đó, Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng kế hoạch giảng

đạy và học tập từng môn học rất cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc theo công văn hướng dẫn giảng dạy, phân phối chương trình của Bộ, Sở GD&ĐT [H1 - 1.8 - 02]; Tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng cắt xén hoặc dồn ép chương trình [H1 - 1.8 - 03]; [H1 - 1.2 - 05]; [H1 - 1.8 - 01].

- Hàng tháng, nhà trường có kế hoạch kiểm tra, rà soát đánh giá kịp thời về thực hiện kế hoạch giáo dục năm học cũng như kế hoạch giảng dạy và học tập hàng tháng. Từ đó có kế hoạch chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời đối với các môn học chậm chương trình [H1 - 1.2 - 05]; [H1 - 1.8 - 01]; [H1 - 1.8 - 04].

1.2. Mức 2:

- Nhà trường đã tập trung chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới sinh hoạt chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, xây dựng ma trận đề, phát động các phong trào thi đua dạy tốt - học tốt trong nhà trường. Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 06/5/2012 của Bộ ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm [H1 - 1.8 - 05].

2. Điểm mạnh.

- Việc triển khai tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục đảm bảo kịp thời, đồng bộ giữa nhà trường và các tổ chuyên môn. Các kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đầy đủ, chi tiết, khoa học và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương.

- Ban giám hiệu chỉ đạo kiểm tra, đánh giá và giám sát thường xuyên các hoạt động giáo dục và điều chỉnh, bổ sung kịp thời những thiếu sót, hạn chế trong hoạt động chuyên môn của mỗi cá nhân và tập thể rất nghiêm túc.

- Nhà trường đã tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm đảm bảo theo yêu cầu kế hoạch đề ra theo hằng tháng, học kỳ và năm học. Có kế hoạch kiểm tra hoạt động dạy thêm và học thêm đúng theo Thông thư 17 của Bộ GD&ĐT, triển khai, nhắc nhở thực hiện tốt Thông tư 17 trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm và Hội đồng chuyên môn nhà trường.

3. Điểm yếu.

Các hoạt động giáo dục còn quá dày, chồng chéo gây khó khăn cho các em khi tham gia các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Cần phát huy điểm mạnh về công tác tổ chức và quản lý trong nhà trường, chủ động và tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế, nguồn lực của nhà trường và của địa phương.

- Lãnh đạo nhà trường nên tham mưu với Phòng GD&ĐT về việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học phù hợp hơn để tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Hàng năm, nhà trường đều tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức. Trong Hội nghị này tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến [H1 - 1.9 - 01]; Nhà trường xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động theo quy định tại Thông tư số

11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập **[H1 - 1.8 - 04]**; [H1 - 1.9 - 02]; [H1 - 1.9 - 03].

Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ, đảm bảo minh bạch công khai trong các hoạt động, nên trong nhiều năm qua, các trường hợp khiếu nại, tố cáo của cán bộ giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh đều được giải quyết triệt để **[H1 - 1.9 - 02]**; [H1 - 1.9 - 04]; [H1 - 1.9 - 05].

Thông qua các ý kiến đóng góp từ các cá nhân và các đoàn thể từ các cuộc họp, Ban giám hiệu luôn tiếp thu tốt các ý kiến đóng góp và từ đó thực hiện việc điều chỉnh; BCH Công đoàn thực hiện tốt việc báo cáo quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ theo từng năm học **[H1 - 1.1 - 04]**; **[H1 - 1.8 - 04]**; [H1 - 1.9 - 06].

1.2. Mức 2:

Trong những năm qua nhà trường luôn đảm bảo việc thực hiện quy chế dân chủ, nội bộ đoàn kết, có sự nhất trí cao, tạo được động lực để giáo viên, nhân viên trong nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhà trường đã đề ra các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả **[H1 - 1.1 - 04]**; **[H1 - 1.3 - 08]**; **[H1 - 1.9 - 05]**; **[H1 - 1.9 - 06]**.

2. Điểm mạnh.

Nhà trường luôn thực hiện quy chế dân chủ, nội bộ đoàn kết nhất trí, có sự đồng thuận cao, tạo được động lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tạo được môi trường giáo dục và học tập rất cởi mở, gần gũi và có sự đoàn kết nội bộ ngày càng cao.

3. Điểm yếu.

Một số giáo viên trẻ mới về trường, chưa mạnh dạn trong tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng quy chế dân chủ ở cơ quan hằng năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục phát huy việc thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ quan, luôn tạo sự đoàn kết nhất trí, tạo điều kiện để những giáo viên trẻ mới về trường mạnh dạn phát biểu thảo luận xây dựng quy chế dân chủ.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt

a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Hàng năm, nhà trường có xây dựng văn bản phối hợp giữa nhà trường với cơ quan công an và cơ quan y tế [H1 - 1.10 - 01]; [H1 - 1.10 - 02]; Tổ chức cho giáo viên và học sinh đăng kí cam kết về việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ

độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội trong nhà trường và phối hợp với cơ quan y tế kiểm tra nguồn nước sạch của nhà trường [H1 - 1.10 - 03].

- Nhà trường có hộp thư góp ý [H1 - 1.10 - 04]; Số điện thoại đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1 - 1.10 - 05].

- Hàng tuần, hàng tháng, Ban giám hiệu, tổng phụ trách Đội đều tổng kết các hoạt động về trật tự, an ninh chính trị, an toàn xã hội, an toàn giao thông ở dưới cờ, biểu dương những việc làm tốt đồng thời cảnh báo, ngăn chặn những biểu hiện hoặc hành vi vi phạm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội kịp thời, đúng lúc. Nhà trường đã thực hiện khen thưởng, tuyên dương những trường hợp nhất của rơi trả lại cho người mất. Việc làm này rất ý nghĩa ở Trường THCS Nghĩa Dũng, nhờ vậy mà góp phần không nhỏ vào việc giáo dục ý thức, đạo đức cho học sinh và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1 - 1.10 - 06].

1.2. Mức 2:

- Hàng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh luôn được nhà trường phối hợp với công an và cơ quan y tế để được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh, trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực học đường. Nhà trường kết hợp với tổ chức Đoàn, Đội, đội cờ đỏ thường xuyên kiểm tra trang phục học sinh trước khi vào cổng trường; đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các vấn đề nảy sinh nhằm đảm bảo an ninh trật tự trong trường học [H1 - 1.10 - 07].

- Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự; khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Nhà trường luôn phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các đoàn thể của xã, trạm y tế xã Nghĩa Dũng để giáo dục học sinh nhằm đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội [H1 - 1.10 - 01]; [H1 - 1.10 - 02]; [H1 - 1.10 - 07].

2. Điểm mạnh.

- Nhà trường luôn là môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực. Nhà trường luôn xứng đáng với niềm tin của chính quyền địa phương và các bậc phụ huynh. Các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá là trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới và bạo lực. Trong những năm qua nhà trường đã được cấp trên khen thưởng về thành tích đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Hàng năm nhà trường đã chủ động trong việc thành lập các ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch đảm bảo ANTT, an toàn trường học, PCCC, ...

- Nhà trường triển khai đồng bộ, phối hợp hiệu quả các hoạt động đảm bảo ANTT, an toàn PCCC, đảm bảo bình đẳng giới.

3. Điểm yếu.

Công tác theo dõi, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho học sinh đôi lúc còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường tăng cường thường xuyên phối hợp với công an địa phương, các ban ngành liên quan xây dựng các phương án nhằm tiếp tục đảm bảo an ninh trật tự, giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra trong nhà trường để đảm bảo an toàn trong trường học. Không để xảy ra Bạo lực học đường.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

* Kết luận về tiêu chuẩn 1.

- Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường cơ bản có cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường THCS. Các bộ phận từ BGH nhà trường đến các đoàn thể: Chi bộ, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn đều hoạt động rất đồng bộ theo sự lãnh đạo của Chi bộ. Các bộ phận trong quá trình

hoạt động đều có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Điều đó đã làm nên sức mạnh to lớn, tạo đà cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

- Nhà trường đã thực hiện tốt Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chấp hành tốt sự quản lý hành chính của địa phương và luôn bám sát các văn bản của Ngành; chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo trực tiếp của Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT, đồng thời chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng và Chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục, cùng với các biện pháp cụ thể, lãnh đạo hoạt động của nhà trường theo mục tiêu và kế hoạch giáo dục bậc THCS.

- Công đoàn, các Hội đồng như Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh hoạt động có hiệu quả. Hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh đã đi vào chiều sâu, làm nòng cốt trong nhà trường tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy các phong trào thi đua: “Nói lời hay làm việc tốt”. Liên đội 3 năm được công nhận Liên đội mạnh cấp thành phố.

- Nhà trường đã thành lập được Chi hội Chữ thập đỏ, hàng năm tổ chức này được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả.

- Các Hội đồng tư vấn, Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng khoa học, Ban Kiểm tra nội bộ trường học, Ban thanh tra nhân dân hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, có kế hoạch cụ thể và hiệu quả cao.

- Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ của trường THCS.

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt:

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

+ Mức 1 đạt: 10/10 tiêu chí, tỷ lệ: 100%.

+ Mức 2 đạt: 10/10 tiêu chí, tỷ lệ: 100%.

+ Mức 3 đạt: 4/5 tiêu chí, tỷ lệ: 80%.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

+ Mức 1 không đạt: 0

+ Mức 2 không đạt: 0

+ Mức 3 không đạt: 1/5 tiêu chí, tỷ lệ: 20%.

*** Đạt: 10/10 tiêu chí (100%).**

*** Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt mức 2.**

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mở đầu:

- Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường là lực lượng giáo dục quan trọng có tính chất quyết định hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường, hoạt động của mỗi cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy và tư vấn cho đội ngũ trên tất cả mọi lĩnh vực, tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định. Nhiều thầy cô giáo đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện/thành phố, tỉnh, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, được UBND tỉnh, Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen, đội ngũ thầy, cô giáo luôn có uy tín trong học sinh và trong nhân dân địa phương.

- Nội bộ nhà trường đoàn kết, đồng thuận cao và không ngừng phát triển. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

- Học sinh của nhà trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng .

1.1. Mức 1:

- Hiện nay nhà trường được bố trí đầy đủ số lượng Ban giám hiệu: Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định [H2 - 2.1 - 01].

- Trong 5 năm qua, Hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT, UBND thành phố đánh giá 02 năm đạt loại xuất sắc nhiệm vụ và 03 năm mức tốt nhiệm vụ và có 03 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá; Phó hiệu trưởng được đánh giá 05 năm loại xuất sắc nhiệm vụ có 03 năm được đánh giá đạt chuẩn phó hiệu trưởng ở mức tốt [H2 - 2.1 - 02].

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ Thạc sỹ (*đang làm NCS*), Đại học và đã qua lớp trung cấp lý luận chính trị, có nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2- 2.1 - 03]; [H2 - 2.1 - 04]; [H2 - 2.1 - 05].

1.2. Mức 2:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT, UBND thành phố đánh giá 03 năm đạt loại xuất sắc nhiệm vụ và 02 năm đạt mức tốt nhiệm vụ và có 03 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá; 02 năm được xếp loại đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 03 năm được công nhận chiến sĩ thi đua cơ sở. Phó hiệu trưởng được đánh giá 05 năm loại xuất sắc nhiệm vụ có 03 năm được đánh giá đạt chuẩn phó hiệu trưởng ở mức tốt; 02 năm được xếp loại đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 02 năm được công nhận danh hiệu CSTĐ cơ sở [H2 - 2.1 - 06];

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường đã tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị theo quy định [**H2 - 2.1 - 04**]; Hiệu trưởng có trình độ Đại học ngoại ngữ và Trung cấp Tin học [H2 - 2.1 - 07]; Được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2 - 2.1 - 08].

1.3. Mức 3:

- Trong 5 năm liên tiếp tính đến năm học 2021-2022; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn ở mức khá trở lên, trong đó có năm học 2017 - 2018 được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng ở mức tốt và có nhiều thành tích được cấp trên khen thưởng, công nhận danh hiệu thi đua [**H2-2.1-02**].

2. Điểm mạnh.

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn đào tạo của cấp học, có trình độ trung cấp lý luận chính trị, có chứng chỉ quản lý giáo dục. Riêng Hiệu trưởng có trình độ Đại học (văn bằng 2 tiếng Anh), có trình độ Trung cấp nghề Tin học. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm chỉ đạo các hoạt động dạy học trong nhà trường.

3. Điểm yếu.

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa phát huy hết các tiềm năng ở tất cả mọi thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Tiếp tục phát huy vai trò gương mẫu và tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo quản lý nhà trường. Tổ chức, sắp xếp công việc cụ thể, khoa học hơn nhằm đạt được hiệu quả cao nhất đối với hoạt động giáo dục của nhà trường. Phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, dám nghĩ, dám làm, chịu trách nhiệm trước tập thể và cấp trên.

- Tạo cơ hội, thúc đẩy và phát huy tối đa tiềm năng làm việc của đội ngũ, thực hiện có hiệu quả cao chiến lược phát triển giáo dục nhà trường.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng.**1.1 Mức 1:**

- Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 23 giáo viên đứng lớp và kiêm nhiệm, đảm bảo về số lượng và cơ cấu giáo viên để dạy tất cả các môn học bắt buộc theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ GD&ĐT. Tỉ lệ giáo viên của nhà trường hiện nay là 1,92/lớp [H2 - 2.2 - 01].

- Hiện nay nhà trường có 100% giáo viên đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng sư phạm trở lên [H2 - 2.2 - 02].

- Đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2 - 2.2 - 03].

1.2. Mức 2:

- Đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. Hiện nay nhà trường có 21/24 giáo viên có trình độ đại học (chiếm tỉ lệ 87,5%) [H2 - 2.2 - 01] và có 01 giáo viên đang học Đại học và 02 giáo viên (Có trình độ cao đẳng chưa tham gia học Đại học) và 01 giáo viên học Thạc sĩ. [H1 - 1.7 - 01].

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 30,07% mức Tốt; 60,62% mức Khá [H2 - 2.2 - 03]; Nhiều giáo viên được công nhận là giáo viên dạy giỏi, chiến sỹ thi đua các cấp; được tặng nhiều bằng khen, giấy khen [H2 - 2.2 - 04].

- Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh đều đặn hàng năm. Nhiều giáo viên trong nhà trường làm đề tài, sáng kiến trên nhiều lĩnh vực như trong chuyên môn, trong công tác chủ nhiệm lớp, hướng dẫn học sinh thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, có 02 giải thưởng trong kì thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp thành phố và 03 sáng kiến được công nhận cấp thành phố. Tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1 - 1.1 - 01]; [H2 - 2.2 - 03].

1.3. Mức 3:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. [H2-2.2-03].

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên chưa có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh.

- Trong 05 năm liên tiếp nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

- Tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên loại khá.

- Nhà trường có nhiều giáo viên có khả năng hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật đạt giải cao trong kì thi cấp thành phố.

3. Điểm yếu.

Đến thời điểm hiện tại tại nhà trường vẫn còn một số giáo viên chưa tham gia hướng dẫn học sinh tham gia thi khoa học kỹ thuật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Trong các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục động viên, khuyến khích những giáo viên chưa mạnh dạn tham gia, học hỏi tiếp cận, góp ý kiến trong việc giúp đỡ học sinh tham gia thi khoa học kỹ thuật. Phân công những giáo viên có kinh nghiệm giúp đỡ một số giáo viên đó để hướng dẫn học sinh tham gia thi khoa học kỹ thuật các cấp.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với giáo viên, nhân viên.

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Nhà trường có nhân viên để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công. Số lượng hiện có như sau: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thư viện kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên y tế, 01 giáo viên kiêm phụ trách thiết bị [H2 - 2.3 - 01].

- Nhân viên nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người. Tất cả nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm được phân công công việc phù hợp [H1 - 1.7 - 03]; [H2 - 2.3 - 02].

- Nhân viên trong nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kế toán quản lý về tài chính không sai sót, báo cáo cập nhật kịp thời thu chi hàng tháng, hàng quý, hàng năm [H2 - 2.3 - 03].

1.2. Mức 2:

- Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo với yêu cầu quy định [H2 - 2.3 - 02].

- Trong 5 năm qua tính đến thời gian đánh giá không có đồng chí nào bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên [H2 - 2.3 - 03].

1.3. Mức 3:

- Nhà trường có 01 nhân viên Kế toán, 01 nhân viên Y tế, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên Văn thư- Thư viện (HĐ) đều đạt chuẩn trình độ đào tạo theo vị trí việc làm [H2-2.3-01].

- Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

2. Điểm mạnh.

- Đội ngũ nhân viên trong nhà trường tuy chưa đủ về số lượng nhưng đã đáp ứng được yêu cầu, có kinh nghiệm, tích cực tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Nhân viên có trình độ đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ đúng và vượt chuẩn theo quy định, đáp ứng tốt các yêu cầu công việc được phân công; được đảm bảo và thực hiện đầy đủ chính sách hiện hành.

3. Điểm yếu.

- Trường còn thiếu một nhân viên văn thư theo quy định nên phải hợp đồng, vì vậy ảnh hưởng đến kinh phí hoạt động chung của đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- BGH nhà trường tham mưu với các cấp lãnh đạo bổ sung nhân viên đủ theo quy định.

- Nhân viên hợp đồng tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	-	-	Đạt
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Hàng năm, nhà trường đã tuyển sinh đúng độ tuổi quy định theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT, chuẩn bị đầy đủ các loại hồ sơ tuyển sinh theo quy định (thành lập Hội đồng tuyển sinh, danh sách tuyển sinh,...) [H1 - 1.5 - 01]; [H1 - 1.5 - 02]; [H2 - 2.4 - 01].

- Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Học sinh biết kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ viên chức của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hiện nội quy nhà trường và chấp hành chính sách pháp luật của nhà nước. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân.

- Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao... Học sinh được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật; được giáo dục kỹ năng sống. Hàng năm học sinh được khám sức khỏe định kỳ vào đầu năm học [H2 - 2.4 - 02].

- Trong mỗi năm học, học sinh được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2 - 2.4 - 03]; Nhiều học sinh được công nhận và khen thưởng các danh hiệu học sinh Tiên tiến, học sinh Giỏi, học sinh xuất sắc hàng năm [H2 - 2.4 - 04].

1.2. Mức 2:

- Một số học sinh vi phạm các hành vi không được làm như: gây gổ, đánh nhau trong trường học, mang điện thoại di động đến trường,... Các hành vi này được giáo viên, BGH nhà trường phát hiện kịp thời xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau như viết bản kiểm điểm, mời phụ huynh trao đổi, giáo dục nhắc nhở, đa số các em đều có sự chuyển biến tích cực, nhận ra lỗi sai và không tái phạm [H2 - 2.4 - 05].

1.3. Mức 3:

- Phong trào mũi nhọn học sinh giỏi của nhà trường trong nhiều năm qua đạt được hiệu quả cao, nền nếp học tập, hạnh kiểm học sinh ngày một tiến bộ, tạo niềm tin cho nhân dân khi gửi con đến trường, lan tỏa rất lớn và tác động tích cực đến CMHS cũng như học sinh và có tác dụng cao đối với phong trào học tập của lớp cũng như nhà trường [H2-2.4-04].

2. Điểm mạnh.

- Hàng năm nhà trường tuyển sinh đầu vào đúng độ tuổi. Học sinh được hưởng đầy đủ quyền lợi học tập, vui chơi, phát triển năng khiếu; đa số học sinh có ý thức kỉ luật cao, chăm chỉ học tập và rèn luyện đạo đức. Kết quả xếp loại hạnh kiểm 05 năm liền đều đạt và vượt chỉ tiêu (trên 75% học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt). Hơn thế nữa kết quả thi HSG các cấp đạt nhiều giải cao có ảnh hưởng tích cực đối với tất cả học sinh toàn trường. Chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn, hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường từng bước được nâng lên.

3. Điểm yếu.

Vẫn còn một số ít học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức nên vi phạm nội qui nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng đại trà, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, BCH Đoàn xã, Công an xã... để giáo dục những học sinh chưa tự giác học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

* Kết luận về tiêu chuẩn 2.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên đồng bộ về cơ cấu, cơ bản đạt chuẩn đào tạo theo quy định của cấp học, tỷ lệ trên chuẩn cao, có ý thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Học sinh đi học đúng tuổi, chấp hành nội quy trường học. Nhà trường luôn đảm bảo quyền cho giáo viên và học sinh theo các quy định trong Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

- Đa số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. BGH đảm bảo về trình độ chuyên môn, quản lý và chính trị. Đó là nền tảng cho công tác quản lý của nhà trường ngày càng hiệu quả và khoa học. Đội ngũ giáo viên của nhà trường có nhiều đồng chí có trình độ chuyên môn vững vàng, kinh nghiệm giảng dạy tốt. Nhiều thầy, cô là giáo viên giỏi cấp tỉnh, huyện/thành phố. Công tác học tập, bồi dưỡng, dự giờ, hội giảng ngày càng được đẩy mạnh và nâng cao. Nhà trường còn quan tâm đến việc động viên giáo viên, nhân viên phấn khởi, yên tâm công tác và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhà trường luôn có mối quan hệ tốt với toàn thể phụ huynh HS, chính quyền địa phương và nhân dân xã Nghĩa Dũng. Công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường ngày càng có kết quả. Đó là những yếu tố quan trọng để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Tồn tại: Có một vài học sinh chưa thực hiện tốt nội quy theo quy định. Một vài học sinh ý thức học tập và rèn luyện chưa cao.

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

+ Mức 1 đạt: 4/4 tiêu chí, tỷ lệ: 100%.

+ Mức 2 đạt: 4/4 tiêu chí, tỷ lệ: 100%.

+ Mức 3 đạt: 2/4 tiêu chí, tỷ lệ: 50%.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

+ Mức 1 không đạt: 0

+ Mức 2 không đạt: 0

+ Mức 3 không đạt: 2/4 tiêu chí, tỷ lệ: 50%

- Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt mức 2.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

Mở đầu:

- Trong các năm học qua, nhà trường đã quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của nhà trường. Thực hiện tốt việc lập dự toán, thu chi, quyết toán tài chính theo đúng quy định, thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ, huy động được nhiều nguồn lực cùng tham gia xây dựng cơ sở vật chất trường học và thực hiện mục tiêu giáo dục. Trường có diện tích đảm bảo theo quy định, có khuôn viên riêng biệt, tường rào bao quanh, cổng trường, biển trường, có khu sân chơi, bãi tập, khu để xe, khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước và xây dựng được môi trường xanh, sạch đẹp. Nhà trường có đủ trang, thiết bị giáo dục đồ dùng dạy học và quản lý sử dụng theo quy định. Thiết bị luôn được mua sắm, sửa chữa, bổ sung đầy đủ.

- Phòng học, phòng thực hành, phòng vi tính, phòng bộ môn,... luôn được quản lý chu đáo, đảm bảo tốt hoạt động giảng dạy, thực hành bộ môn.

Tiêu chí: 3.1. Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Trường có diện tích 11.381,1m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất [H3 - 3.1 - 01]; Khuôn viên có cây xanh bóng mát đảm bảo sạch, đẹp, thoáng mát, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục, có sơ đồ quy hoạch tổng thể và từng khu của nhà trường [H3 - 3.1 - 02].

- Có cổng, biển tên trường theo quy định của Điều lệ nhà trường, có hàng rào bao quanh theo quy định [H3 - 3.1 - 03].

- Có sân chơi đủ diện tích, bãi tập luyện thể dục thể thao được bố trí riêng biệt, đảm bảo an toàn cho học sinh [H3 - 3.1 - 04].

1.2. Mức 2:

- Diện tích sân chơi, bãi tập rộng, sân bóng đá mini, hồ nhảy xa, sân cầu lông...đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [*Quan sát*].

1.3. Mức 3:

- Nhà trường có diện tích sử dụng theo giấy quyền sử dụng đất là 10.856m², diện tích hiện nay bình quân 17.48m²/HS. Khu sân chơi, bãi tập, có diện tích đạt 25% đạt yêu cầu về diện tích quy định tổng diện tích sử dụng của trường [*Quan sát*].

2. Điểm mạnh.

- Sắp xếp các khuôn viên trong nhà trường hợp lí, tường rào, cổng trường và biển trường rõ ràng và đảm bảo về việc bảo vệ tài sản cho học sinh, khuôn viên trường xanh, sạch, đẹp, bãi tập là một khu riêng biệt. Sân chơi, bãi tập có diện tích là 44.7 % tổng diện tích sử dụng nhà trường.

3. Điểm yếu.

Thiếu các thiết bị tập luyện thể dục thể thao phục vụ cho sân chơi, bãi tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu địa phương, Phòng GD&ĐT và UBND thành phố đầu tư thêm ngân sách để mua sắm đủ trang thiết bị thể dục thể thao phục vụ tốt cho nhu cầu dạy và học.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí: 3.2. Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Nhà trường có 12 phòng học cho học sinh, các phòng học được trang bị đủ bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, có bảng viết chống loá, mỗi phòng học được trang bị 01 tivi 50 inch để giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học,

theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT, các thiết bị chiếu sáng (16 bóng điện led 1,2 m), 6 quạt trần và 01 quạt treo tường, đúng quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh học đường của Bộ Y tế [H3 - 3.2 - 01].

- Trường có 05 phòng bộ môn: 01 phòng thực hành Vật lý - Công nghệ, 01 phòng thực hành Hóa - Sinh, 01 phòng dạy Nhạc, 01 phòng Tin học và 01 phòng tương tác [H3 - 3.2 - 02].

- Trường có 01 phòng hoạt động Công đoàn – Chi đoàn, 01 phòng Đội, có 01 phòng truyền thống, 01 phòng thư viện đạt chuẩn. Phòng truyền thống có đầy đủ tranh ảnh, sơ đồ tổ chức, sa bàn, truyền thống trường và có các hiện vật lưu giữ [H3 - 3.2 - 03].

1.2. Mức 2:

- Phòng học, phòng học bộ môn đã nêu ở trên được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

- Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định. Các phòng bộ môn được đầu tư thiết bị dạy học đặc trưng của mỗi bộ môn; thiết bị dạy học hiện đại: hệ thống máy chiếu có 06 bộ, trên 100 bộ máy vi tính, 09 tivi màn hình lớn, bước đầu đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học [H1-1.6-07]; Bên cạnh đó trường có một Hội trường có sức chứa trên 100 chỗ ngồi đáp ứng với các hoạt động ngoại khóa của nhà trường [*Quan sát*].

1.3. Mức 3:

Các phòng học bộ môn chưa có đầy đủ các thiết bị dạy học theo qui định. Chưa có phòng riêng biệt để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, học sinh khuyết tật tham gia tất cả các hoạt động vui chơi.

2. Điểm mạnh.

- Nhà trường có một số phòng thực hành bộ môn theo qui định, có phòng dành riêng cho Đoàn - Đội, phòng truyền thống và thư viện đạt chuẩn. Hệ thống phòng học được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, thoáng mát, đủ ánh sáng. Hệ thống bàn ghế, trang thiết bị cơ bản đảm bảo phục vụ tốt cho việc dạy học của giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu.

- Thiết bị phục vụ dạy học một số phòng bộ môn còn hạn chế theo yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Ban giám hiệu tham mưu, đề xuất với các cấp có thẩm quyền bổ sung thêm thiết bị phục vụ dạy học một số phòng bộ môn để đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.3. Khối hành chính – quản trị.

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính quản trị theo quy định.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1 Mức 1:

- Nhà trường có phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bố trí ở vị trí hợp lý thuận lợi cho việc điều hành. Phòng bảo vệ: Được bố trí ngay tại cổng trường. Tại đây có nhân viên bảo vệ trực 24/24. Phòng Hội đồng: Là nơi nghỉ ngơi giữa các tiết và là nơi hội họp của hội đồng. Thư viện được bố trí hợp lý, khoa học [H3 - 3.3 - 01].

- Nhà trường có 01 phòng Tin học, 01 phòng Thiết bị dùng chung, 01 phòng Truyền thống và 01 phòng hoạt động Đoàn - Đội, 01 phòng Kế toán, 01 phòng Văn

thư. Các phòng nêu trên được trang bị máy vi tính, có kết nối internet đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động của nhà trường [H3 - 3.2 - 02]; [H3 - 3.3 - 02].

- Nhà trường có 02 khu để xe: 01 khu để xe giáo viên, nhân viên và 01 khu để xe học sinh [H3 - 3.3 - 03]. Khu để xe được bố trí hợp lý; nhà để xe học sinh được sắp xếp và chia theo lớp đảm bảo trật tự. Khu nhà xe được bảo vệ an toàn cho giáo viên và học sinh khi học tập, công tác tại trường [*Quan sát*].

Hàng năm nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác kiểm kê tài sản [H1 - 1.6 - 07]; Do vậy các thiết bị xuống cấp tại khối phòng hành chính - quản trị đã được định kỳ sửa chữa và bổ sung kịp thời [H3 - 3.3 - 04].

1.2. Mức 2:

Khối hành chính – quản trị của trường gồm có:

Văn phòng trường là nơi làm việc của nhân viên văn thư và lưu trữ hồ sơ học sinh, lưu trữ các văn bản đi và đến, nơi làm việc của kế toán. Văn phòng trường được bố trí hợp lý, thuận lợi cho học sinh và giáo viên trong các hoạt động [*Quan sát*].

1.3. Mức 3:

Khối hành chính - quản trị ngoài việc bổ sung, đổi mới các thiết bị còn được kết nối các thiết bị với hệ thống internet, có trang Web nhà trường, hệ thống SMS để việc thông tin đến toàn HĐSP nhà trường và đến cha mẹ học sinh kịp thời, nhanh chóng. Các trang thiết bị được sắp xếp hợp lý khoa học. [*Quan sát*].

2. Điểm mạnh.

- Vị trí khối phòng hành chính - quản trị được bố trí phù hợp thuận lợi cho các hoạt động của nhà trường.

- Trang thiết bị trong các phòng được trang bị khá đầy đủ; được sắp xếp khoa học, hợp lý thuận lợi cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu.

Một số thiết bị khối hành chính đã qua sử dụng lâu năm, xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường trích một phần kinh phí hoạt động, đồng thời tham mưu với cấp trên xin thêm kinh phí để mua sắm thêm thiết bị, trang bị máy móc, dụng cụ làm việc cho khối hành chính. Thường xuyên chú trọng bảo trì, bảo dưỡng các máy vi tính để sử dụng được bền lâu.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả đạt: Mức 3.

Tiêu chí 3.4. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch, đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Nhà trường có khu vực vệ sinh dành riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Vị trí của các khu vệ sinh phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ. Khu vệ sinh của học sinh đảm bảo tốt cho học sinh sinh hoạt [H3 - 3.4 - 01].

- Nhà trường có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn (*Dùng nước bình Thạch Bích*) [H3 - 3.4 - 02]; Hệ thống thoát nước đảm bảo yêu cầu vệ sinh.

- Nhà trường thực hiện thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H3 - 3.4 - 03].

1.2. Mức 2:

- Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và đúng theo quy định [H3 - 3.4 - 01].

- Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế [H3 - 3.4 - 03].

2. Điểm mạnh.

- Khu vệ sinh của học sinh được xây dựng ở vị trí thuận lợi nên việc đi lại của học sinh nói chung và học sinh khuyết tật nói riêng, an toàn, đảm bảo theo quy định.

- Khu vệ sinh của cán bộ, giáo viên, nhân viên cả nam và nữ sạch đẹp. Đảm bảo vệ sinh môi trường, thân thiện với người dùng.

- Nhà trường có kế hoạch thu gom và xử lý chất thải đảm bảo tốt vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu.

Một phần hệ thống thoát nước đã xuống cấp cần được sửa chữa lại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường sử dụng một phần kinh phí chi thường xuyên để quy hoạch và bê tông hệ thống thoát nước, đảm bảo sạch, đẹp.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị.

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà

trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Nhà trường có đủ các thiết bị phục vụ cho công tác văn phòng và công tác quản lý: 08 máy tính bàn và 01 máy tính xách tay, 07 máy in, 01 ti vi 32 in. Có 100% máy tính được kết nối mạng Internet (đường truyền cáp quang của Viettel) phục vụ tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy *học* [H1 - 1.6 - 02]; [H1 - 1.6 - 09]. Ngoài ra nhà trường còn có các thiết bị phục vụ cho các hoạt động khác như: dàn âm thanh phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt tập thể ngoài trời [H3 - 3.5 - 01].

- Nhà trường có các thiết bị và đồ dùng dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh [H3 - 3.5 - 02]. Trường đã trang bị 01 phòng máy vi tính với tổng số máy là 30 máy để phục vụ giảng dạy môn Tin học [H3 - 3.5 - 03].

- Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo cho nhân viên quản lý thiết bị kiểm kê, sửa chữa, bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học thường xuyên 2 lần/năm và có biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất cụ thể [H1 - 1.6 - 07]; Còn một số thiết bị quá cũ, lỗi thời, sai số trong quá trình sử dụng, số thiết bị hư hỏng đó đã được thanh lý và có hồ sơ lưu trữ đầy đủ [H3 - 3.5 - 04].

1.2. Mức 2:

- Tất cả hệ thống máy tính của Ban giám hiệu và dạy học của học sinh đều được kết nối internet phục vụ công tác quản lý hành chính, quản lý chuyên môn, hoạt

động dạy học [H1-1.6-09]; Các thiết bị được sắp xếp khoa học, ngăn nắp thuận tiện cho việc phục vụ dạy - học và được sử dụng tối đa. Việc theo dõi sử dụng các thiết bị được cập nhật, mượn, trả đúng thời hạn; có sự kiểm tra, đánh giá của HT, PHT, của các tổ trưởng chuyên môn về số lượng thiết bị, chất lượng thiết bị và hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học hàng năm [H3-3.5-01].

- Có đủ thiết bị dạy học theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, ngày càng đi vào chất lượng và được theo dõi quản lý đầy đủ trong tài sản của nhà trường [H1-1.6-02].

- Hằng năm, bộ phận thiết bị, hành chính, các nhóm chuyên môn luôn đề xuất mua sắm mới các thiết bị, đồ dùng phục vụ học tập của học sinh và đáp ứng với yêu cầu công việc của từng bộ phận. [H3-3.5-03].

1.3. Mức 3:

Phòng thí nghiệm, thực hành đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-01].

2. Điểm mạnh.

- Nhà trường có thiết bị phục vụ công tác quản lý, công tác văn phòng và hoạt động dạy học của nhà trường. Thiết bị dạy học được cung cấp đủ số lượng theo quy định, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Công tác quản lý thiết bị được nhà trường quan tâm, thực hiện đúng theo các văn bản quy định; giáo viên rất tích cực khai thác đồ dùng dạy học trong quá trình giảng dạy.

3. Điểm yếu.

Các thiết bị phòng thực hành bộ môn, phòng Tin học có thời gian sử dụng quá lâu, giảm chất lượng, không đảm bảo theo chuẩn quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Các năm học tiếp theo, nhà trường bố trí kinh phí và đề nghị các cấp mua bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học, thay thế cho những thiết bị và đồ dùng kém chất lượng.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không	Chỉ báo	Đạt/Không	Chỉ báo	Đạt/Không đạt

	đạt		đạt		
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.6. Thư viện.

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học đạt tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên và HS.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1 Mức 1:

- Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ tốt các hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3 - 3.6 - 01].

- Hoạt động của thư viện nhà trường đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh [H3 - 3.6 - 01]; Tổ chức tốt các hoạt động giới thiệu sách theo chủ đề hàng tháng và hỗ trợ tốt cho các hoạt động chuyên môn cũng như tuyên truyền pháp luật [H3 - 3.6 - 02]; [H3 - 3.6 - 03].

- Hàng năm, Ban giám hiệu nhà trường có chỉ đạo cho bộ phận thư viện kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ cho việc dạy học và nghiên cứu của giáo viên và học sinh đầy đủ [H3 - 3.6 - 01]; [H3 - 3.6 - 04]; [H3 - 3.6 - 05].

1.2 Mức 2:

Thư viện của nhà trường đã đạt chuẩn Quyết định số 01 của Bộ GD&ĐT.

1.3. Mức 3: Thư viện của nhà trường chưa được kiểm tra và công nhận Thư viện trường học tiên tiến.

2. Điểm mạnh.

Thư viện nhà trường đạt chuẩn, hàng năm được bổ sung sách giáo khoa, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ tốt cho hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Thư viên tổ chức tốt các hoạt động giới thiệu sách theo chủ đề hàng tháng và hỗ trợ tốt cho các hoạt động chuyên môn cũng như tuyên truyền pháp luật.

3. Điểm yếu.

Do tác động của thời đại công nghệ thông tin nên hoạt động đọc sách, báo của bạn đọc có phần hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Ban giám hiệu nhà trường tuyên truyền, vận động trong cán bộ, giáo viên và học sinh phong trào đọc sách, đồng thời chỉ đạo nhân viên Thư viện xây dựng kế hoạch tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thu hút bạn đọc đến Thư viện nhiều hơn nữa.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
B	Đạt	-		-	-
C	Đạt	-		-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

* Kết luận về tiêu chuẩn 3

- Nhà trường có điều kiện về cơ sở vật chất đạt chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Khuôn viên, tường rào, sân chơi, bãi tập theo quy định của Điều lệ trường trung học. Có đủ phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh. Có đủ khối phòng phục vụ học tập, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường trung học; Có công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục. Thư viện đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Qua các năm, cơ sở vật chất trang thiết bị của nhà trường ngày càng được đổi mới, các thiết bị phục vụ dạy và học đảm bảo tiêu chuẩn cho trường chuẩn Quốc gia.

Tuy nhiên việc tổ chức rà soát, đánh giá, cải tiến các hoạt động hiệu quả cần nâng cao hơn .

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

+ Mức 1 đạt: 6/6 tiêu chí, tỷ lệ: 100%.

+ Mức 2 đạt: 6/6 tiêu chí, tỷ lệ: 100%.

+ Mức 3 đạt: 2/5 tiêu chí, tỷ lệ: 40%.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

+ Mức 1 không đạt: 0/5 tiêu chí, tỷ lệ: 0%.

+ Mức 2 không đạt: 0/5 tiêu chí, tỷ lệ: 0%.

+ Mức 3 không đạt: 3/5 tiêu chí, tỷ lệ: 60%.

- Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt mức 2.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Mở đầu:

- Để thực hiện nhiệm vụ được giao, Trường THCS Nghĩa Dũng đã phối hợp với phụ huynh và xã hội trong việc giáo dục học sinh. Nhà trường đã hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm giáo dục trẻ. Ban đại diện cha mẹ học sinh giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vận động học sinh đến lớp. Thông qua đó nhằm giúp học sinh ý thức tự giác học tập, rèn luyện đạo đức để xứng đáng là con ngoan, trò giỏi.

- Nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân trong chiến lược phát triển nhà trường để hướng tới trường giữ vững chuẩn quốc gia.

Tiêu chí: 4.1. Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Hàng năm trường có tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh để bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh trường theo Điều lệ quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT. Ở mỗi lớp, đầu năm học đều có tổ chức hội nghị cha mẹ học sinh để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp gồm có 3 thành viên [H4 - 4.1 - 01]; Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận. Các nội dung thảo luận, thống nhất trong Ban đại diện cha mẹ học sinh được ghi trong biên bản cuộc họp. Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường tổ chức các cuộc họp định kỳ 3 lần/năm học, ngoài ra còn có những cuộc họp đột xuất [H4 - 4.1 - 02].

- Ban đại diện cha mẹ học sinh đã xây dựng phương hướng hoạt động cụ thể và được phổ biến rộng rãi đến tất cả cha mẹ học sinh toàn trường [H4 - 4.1 - 03]; Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm của lớp để theo dõi, quản lý, động viên học sinh tích cực, tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ nội quy của nhà trường. Ban đại

diện cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ với nhà trường để tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho con em mình học tập và rèn luyện [H4 - 4.1 - 04].

- Hàng năm, nhà trường tổ chức các cuộc họp đột xuất và định kỳ vào đầu năm, sau học kỳ 1 và cuối năm học để trao đổi với phụ huynh về công tác giáo dục học sinh và để tiếp thu các ý kiến đóng góp về công tác quản lý, giáo dục học sinh và đã giải quyết các kiến nghị hợp lý của cha mẹ học sinh [H4 - 4.1 - 01].

1.2. Mức 2:

- Nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động, thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất với nhà trường để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại tiếp tục đi học [H4 - 4.1 - 04]; [H4 - 4.1 - 05].

1.3. Mức 3:

- Ban đại diện CMHS trường luôn là cầu nối giúp nhà trường giáo dục học sinh trên mọi lĩnh vực; đã phối hợp rất chặt chẽ với nhà trường vai trò tư vấn, huy động CMHS cùng các lực lượng trong toàn xã hội, hỗ trợ về CSVC; góp ý, cùng với nhà trường quản lý giáo dục học sinh. Tùy theo tình hình thực tế của học sinh, ban đại diện CMHS đã phối hợp kịp thời với nhà trường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ CMHS và các văn bản quy định [H4-4.1-06].

2. Điểm mạnh.

- Nhà trường đã tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh làm việc đúng Điều lệ. Ban đại diện cha mẹ học sinh sinh hoạt đều, đúng định kỳ, hoạt động nhiệt tình năng nổ, chủ động tham mưu cho các cấp chính quyền địa phương giúp đỡ về cơ sở vật chất để nhà trường ngày càng xanh – sạch – đẹp.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường trong những năm qua đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường; kết hợp tốt giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ với nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

3. Điểm yếu.

- Vào đầu mỗi năm học Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường được bầu cử theo qui định, tuy nhiên việc tham gia các hoạt động của nhà trường của một số thành viên trong Ban đại diện chưa đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp hoạt động tích cực hơn, củng cố và nâng cao trách nhiệm của cha mẹ học sinh, tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Huy động mọi nguồn lực về xã hội hóa giáo dục.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí: 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Nhà trường đã tích cực tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường, chính vì vậy từ một ngôi trường mà phòng học phần lớn đều đã xuống cấp, sân trường vào mùa mưa bị ngập nước nay đã có 2 dãy phòng học tầng kiên cố với 14 phòng. Sân trường được bê tông hóa và lát gạch hoa, cây cối phát triển xanh tươi [H4 - 4.2 - 01].

- Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau [H1 - 1.1 - 01].

- Hội khuyến học xã hàng năm tổ chức phát thưởng, biểu dương khen thưởng học sinh đạt các thành tích cao trong học tập [H4 - 4.2 - 02]; Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tặng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Ban đại diện cha mẹ học sinh tích cực thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục cùng với nhà trường [H4 - 4.2 - 03].

1.2. Mức 2:

- Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H4 - 4.2 - 01]; [H1 - 1.1 - 01].

- Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo

dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử 4 dũng sỹ, nhà bia tưởng niệm liệt sĩ xã Nghĩa Dũng [HI - 1.3- 08]; [H4 - 4.2 - 04].

1.3. Mức 3:

- Nhà trường đã đặc biệt chú trọng đến công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền cũng như phối hợp với các tổ chức, cá nhân tại địa phương. Nhờ vậy đã được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp có sự chỉ đạo sâu sát cho nhà trường để tiếp tục duy trì, phát huy và đẩy mạnh việc xây dựng nhà trường tiên tiến xuất sắc, chúng nhận cơ quan đạt cơ quan văn hóa [H4-4.2-04]; Các tổ chức, cá nhân tại địa phương tạo điều kiện tốt nhất có thể để phát triển nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục, trở thành trường học có uy tín của địa phương [H4-4.2-01]; Qua từng hoạt động đều có báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tham mưu nhà trường [H4-4.2-05].

2. Điểm mạnh.

- Nhà trường chủ động trực tiếp hoặc gián tiếp bằng văn bản tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường.

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong trường, các tổ chức đoàn thể ngoài nhà trường, thực hiện tốt các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu.

Chưa huy động hết tiềm lực của các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia đóng góp vào hoạt động giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy, chính quyền địa phương và phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để vận động cựu học sinh Trường THCS Nghĩa Dũng qua các thế hệ, các doanh nghiệp, ... tham gia đóng góp vào hoạt động giáo dục của nhà trường, tạo điều kiện cho nhà trường tăng cường cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tăng cường các biện pháp, hình thức tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục thông qua các kỳ họp CMHS, các phương tiện thông tin đại chúng, website nhà trường và các hội nghị của địa phương.

- Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

*** Kết luận về tiêu chuẩn 4.**

- Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã có sự gắn bó trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ giáo dục. Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh làm việc theo đúng Điều lệ. Thường xuyên trao đổi thông tin giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh để nắm bắt thông tin kịp thời nhằm có biện pháp để giáo dục học sinh. Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, Chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực để tăng trưởng cơ sở vật chất và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục.

- Tồn tại: Việc tuyên truyền để tăng thêm hiểu biết trong cộng đồng về nội dung và phương pháp dạy học nhà trường thực hiện chưa mang lại hiệu quả cao.

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

+ Mức 1 đạt: 2/2 tiêu chí, tỷ lệ: 100%.

+ Mức 2 đạt: 2/2 tiêu chí, tỷ lệ: 100%.

+ Mức 3 đạt: 2/2 tiêu chí, tỷ lệ: 100%.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

+ Mức 1 không đạt: 0/2 tiêu chí, tỷ lệ: 0%.

+ Mức 2 không đạt: 0/2 tiêu chí, tỷ lệ: 0%.

+ Mức 3 không đạt: 0/2 tiêu chí, tỷ lệ: 0%.

- Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt mức 3.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

Mở đầu:

- Trường THCS Nghĩa Dũng thực hiện nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập theo đúng quy định của Phòng, Sở GD&ĐT Quảng Ngãi. Các nhiệm vụ năm học được thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm, đề ra nhiều giải pháp, biện pháp tích cực để tổ chức các hoạt động giáo dục, chú trọng đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, phân loại học sinh. Làm tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, thực hiện đúng nội dung chương trình giáo dục địa phương.

- Ngoài ra để nâng cao chất lượng giáo dục, hàng năm trường luôn chú trọng việc tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh kết hợp với việc giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống từ đó hình thành nhân cách cho học sinh.

- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong trường đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp THCS. Học sinh hàng năm được xếp loại hạnh kiểm khá và tốt đạt trên 95%. Không có học sinh mắc các tệ nạn xã hội. Việc xếp loại hạnh kiểm của học sinh qua các năm học được thực hiện đúng quy chế. Trong năm học qua không có học sinh bị kỉ luật buộc thôi học.

- Hàng năm tỷ lệ học sinh các khối lớp có học lực được xếp loại trung bình, xếp loại khá, giỏi, loại yếu và kém, tỷ lệ bỏ học và học sinh khối lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS đảm bảo tỷ lệ quy định trong mức đánh giá. Trường có học sinh tham dự các kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh đã đạt được thành tích cao. Dưới đây là mô tả chi tiết.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Mức 1:

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

c) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Hàng năm, Nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian của năm học: Học kỳ I học 19 tuần, học kỳ II học 18 tuần (riêng năm học 2020-2021 có thời gian là: Học kỳ I học 18 tuần, học kỳ II học 17 tuần); tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. Tất cả các giáo viên đều xây dựng và thực hiện theo kế hoạch giảng dạy theo đúng phân phối chương trình **[H1 - 1.8 - 01]; [H1 - 1.8 - 02]; [H5 - 5.1 - 01]**. Hàng năm, giáo viên tham gia dự giờ đồng nghiệp để rút kinh nghiệm **[H5 - 5.1 - 02]**.

- Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo tất cả CB, GV vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Có hướng dẫn, bồi dưỡng phương pháp tự học cho học sinh nhằm nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn **[H1 - 1.4 - 03]; [H1 - 1.8 - 02]**.

Nhà trường chỉ đạo nghiêm túc việc tổ chức và thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả **[H1 - 1.8 - 01]; [H5 - 5.1 - 01]; [H5 - 5.1 - 03]**.

1.2. Mức 2:

- Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo, tổ chức thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục 37 tuần (năm học 2020-2021 là 35 tuần); lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng được yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh **[H1 - 1.4 - 03]; [H1 - 1.8 - 01]; [H5 - 5.1 - 04]**.

- Hàng năm ngay từ đầu năm học nhà trường đều xây kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh giỏi [H5 - 5.1 - 05]; Phụ đạo cho học sinh gặp khó khăn trong các môn văn hóa [H5 - 5.1 - 06]; Cuối mỗi năm học HS được đánh giá kết quả 2 mặt giáo dục đảm bảo theo qui định [H5 - 5.1 - 07].

1.3. Mức 3:

- Hằng năm, nhà trường có kế hoạch kiểm tra, rà soát đánh giá kịp thời về thực hiện kế hoạch thời gian năm học cũng như kế hoạch giảng dạy và học tập căn cứ vào: sổ đầu bài, kế hoạch dạy học của giáo viên tổ chuyên môn, đối chiếu với phân phối chương trình của mỗi bộ môn, các thời điểm đặc thù của mỗi hoạt động giáo dục, từ đó có kế hoạch chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời đúng tiến độ thực hiện chương trình từng môn, đúng nội dung đã quy định của chương trình về yêu cầu kiến thức, kỹ năng, thái độ, hiệu quả của cải tiến và hoàn thiện các phương pháp dạy học, đảm bảo nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [HI-5.1-03].

Trong từng đợt thi đua, trong mỗi học kỳ có sơ kết đánh giá công việc này để đúc rút kinh nghiệm chung [H5-5.1-07]. Có thể nói rằng trong những năm học qua, nhà trường luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ, Sở và Phòng GDĐT. Các hoạt động giáo dục khác đều có kế hoạch chỉ đạo chung và kế hoạch cụ thể đối với từng mặt hoạt động. Có đánh giá, rút kinh nghiệm và cải tiến biện pháp thực hiện đối với những hoạt động còn hạn chế [HI-1.4-05].

2. Điểm mạnh.

- Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục và có nội dung thời lượng phương pháp hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Chỉ đạo vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh.

- Tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan, hiệu quả, phân loại được đúng trình độ, năng lực học sinh, kịp thời tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu, kém và chọn đội tuyển để bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa và các hoạt động thể dục thể thao các cấp đạt tỉ lệ cao trong nhiều năm. Liên tục nhiều năm học liền có nhiều học sinh giỏi văn hóa, các môn trong Hội khỏe Phù Đổng cấp thành phố đạt giải cao được chọn bồi dưỡng dự thi cấp tỉnh và đạt kết quả; có học

sinh đạt giải trong cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh và thanh thiếu niên cấp thành phố.

- Hàng năm Ban giám hiệu nhà trường tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá kết quả của hoạt động dạy học và đề ra các biện pháp, giải pháp để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường. Chất lượng học tập của học sinh trong những năm qua tăng đều hàng năm.

3. Điểm yếu.

- Những năm qua nguồn nhân sự nhà trường có sự thay đổi nhiều do giáo viên nghỉ hưu, chuyển chuyên, nên có sự thay đổi về chuyên môn, thay đổi thời khóa biểu nhiều lần/học kì, từ đó ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

- Hàng năm chưa rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Từ những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục tham mưu Phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch để bổ sung nguồn nhân sự ngay từ đầu năm học tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường bố trí công tác chuyên môn cho hợp lí, nâng cao chất lượng dạy và học.

- Nhà trường cần rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1 Mức 1:

- Hàng năm, Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo đồng bộ từ bộ phận chuyên môn trường, các tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn lên kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5 - 5.1 - 04]; [H5 - 5.1 - 05]; [H5 - 5.1 - 06].

- Hiệu trưởng nhà trường triển khai kế hoạch giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập đến toàn cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Từ đó các tổ chuyên môn thực hiện việc chọn học sinh để bồi dưỡng học sinh giỏi. Ngoài ra nhà trường còn triển khai và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn hóa văn nghệ để rèn luyện, nâng cao tính tích cực chủ động, sáng tạo cho học sinh [H5 - 5.2 - 01].

- Hàng năm nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên các học sinh có năng khiếu, giúp đỡ các học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện bằng những phần thưởng hay học bổng như hỗ trợ bằng tiền, hỗ trợ xe đạp để động viên khuyến khích các em trong học tập. Hơn nữa nhà trường cũng kịp thời điều chỉnh kế hoạch để phù hợp hơn với thực tế nhà trường; đồng thời, rút kinh nghiệm cho những năm học sau [H2 - 2.4 - 03].

1.2. Mức 2:

- Học sinh có khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được các mục tiêu giáo dục theo kế hoạch đã đề ra; học sinh năng khiếu được bồi dưỡng, huấn luyện để phát triển kỹ năng và thành lập đội tuyển tham gia các hội thi học sinh giỏi các môn năng khiếu các cấp. Học sinh giỏi các môn văn hoá dự thi cấp thành phố, tỉnh đạt nhiều kết quả cao trong các kỳ thi [H2 - 2.4 - 04]; [H5 - 5.2 - 01]; Hơn nữa nhà trường còn xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy phụ đạo cho các em có khó khăn trong học tập và rèn luyện để các em củng cố kiến thức bị hỏng trong quá trình tiếp thu kiến thức ở trường và nhiều học sinh có tiến bộ rõ rệt trong quá trình học tập; số lượng học sinh yếu, kém ở học kỳ II giảm hơn nhiều so với học kỳ I [H5 - 5.2 - 02].

1.3. Mức 3:

- Cùng với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu được nhà trường đặc biệt quan tâm và trở thành một trong những phong trào thi đua sôi nổi nhất trong các phong trào thi đua của toàn trường. Nhà trường có nhiều học sinh đạt giải học sinh giỏi các môn văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp thành phố, cấp tỉnh. [H2-2.4-04].

2. Điểm mạnh.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập.

- Học sinh có khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được các mục tiêu giáo dục theo kế hoạch đã đề ra của nhà trường; học sinh năng khiếu được bồi dưỡng, huấn luyện tham gia vào đội tuyển dự thi các hội thi học sinh giỏi các môn năng khiếu các cấp đạt kết quả cao trong nhiều năm liền.

- Nhà trường thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá sơ kết, tổng kết các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện ở mỗi học kỳ và cả năm học.

3. Điểm yếu.

Do ở địa bàn nông thôn, điều kiện sinh hoạt giao lưu còn hạn chế nên một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn còn nhút nhát rụt rè, chưa thực sự chủ động, sáng tạo trong học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo chi Đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh tăng cường tổ

chức các hoạt động về rèn luyện kỹ năng sống và tổ chức các hoạt động giao lưu, các hoạt động trải nghiệm cho học sinh, nhất là học sinh có hoàn cảnh khó khăn, nhằm nâng cao ý thức học tập, tạo môi trường cho các em giao lưu học hỏi, rèn luyện tính mạnh dạn, chủ động trong học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.3. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH của Bộ GD&ĐT và các tài liệu địa phương của Sở GD&ĐT đối với các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý góp phần đảm bảo mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn cuộc sống, giáo dục địa phương [H1 - 1.8 - 02]; [H5 - 5.1 - 01]; [H5 - 5.3 - 01]; Qua đó, các em hiểu biết thêm về lịch sử địa phương, khơi dậy niềm tự hào, ý thức trách nhiệm và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H5 - 5.3 - 02].

- Ban giám hiệu nhà trường đã tiến hành chỉ đạo giáo viên kiểm tra đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT thông qua việc lồng ghép trong các môn học.

- Hàng năm Ban giám hiệu cũng thường xuyên chỉ đạo các tổ trưởng rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất nội dung giáo dục địa phương theo đúng chương trình giáo dục hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế địa phương [*H1 - 1.2 - 04*]; [*H5 - 5.3 - 02*].

1.2. Mức 2:

Nhà trường chỉ đạo giáo viên áp dụng linh hoạt nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn của địa phương nơi học sinh đang học [*H5 - 5.3 - 01*]; [*H5 - 5.3 - 02*].

2. Điểm mạnh.

- Trường có đầy đủ tài liệu nội dung giáo dục địa phương được phê duyệt theo quy định. Thực hiện tổ chức giảng dạy nghiêm túc theo hướng dẫn chương trình. Có kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

- Hàng năm Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo quyết liệt cho các tổ trưởng chuyên môn rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp với thực tế của địa phương để giảng dạy học sinh.

- Đã thực hiện việc dạy lồng ghép và tích hợp vào các bộ môn văn hóa khác trong quá trình giảng dạy của giáo viên theo đúng hướng dẫn.

3. Điểm yếu.

Nguồn tài liệu để phục vụ công tác giảng dạy chương trình giáo dục địa phương còn ít, thông tin về chương trình giáo dục địa phương có cập nhật nhưng chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Ban giám hiệu cần chỉ đạo tích cực cho giáo viên cố gắng sưu tầm tài liệu giáo dục địa phương để bổ sung vào nội dung giảng dạy, kịp thời cập nhật thông tin, số liệu về chương trình giáo dục địa phương để phục vụ cho việc dạy học đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2
--------------	--------------

Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4. Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Hàng năm, Ban giám hiệu nhà trường đều lập kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5 - 5.1 - 01]; [H5 - 5.4 - 01]; Trường THCS Nghĩa Dũng chủ động hướng dẫn cho các em về tâm thế lẫn kỹ năng để các em có thể sẵn sàng đi vào lao động hoặc tự tạo việc làm phù hợp với hứng thú, năng lực cá nhân cũng như hoàn cảnh gia đình [H5 - 5.4 - 02].

- Thực hiện theo phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT, các công văn hướng dẫn của các cấp về việc dạy hướng nghiệp, hằng năm nhà trường đã tổ chức cho học sinh lớp 9 học hướng nghiệp đầy đủ các chủ đề theo quy định [H5 - 5.2 - 02]; [H5 - 5.4 - 01]; [H5 - 5.4 - 02]; Ngoài ra trong những năm qua nhà trường cũng tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm cho học sinh tham gia như: Văn nghệ mừng Đảng, mừng

Xuân; kỉ niệm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, các hoạt động ngoại khóa, tham quan du lịch các danh lam thắng cảnh, tham gia lao động, viếng nhà bia các liệt sĩ; tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh, giáo dục kỹ năng sống [H5 - 5.4 - 03].

- Đầu mỗi năm học, Ban giám hiệu nhà trường phân công và chia thời khóa biểu cho việc dạy hướng nghiệp lớp 9 cụ thể theo từng lớp học [H5 - 5.4 - 02]; Hơn nữa, Ban giám hiệu còn huy động giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh thông qua việc tổ chức các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan học hỏi, tổ chức trò chơi dân gian trong buổi sinh hoạt đội, sinh hoạt tập thể cho học sinh [H5 - 5.4 - 03]; [H5 - 5.4 - 04].

1.2. Mức 2:

- Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, phù hợp học sinh như: Nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tham quan tại các trường Cao đẳng nghề, vui trung thu, sinh hoạt câu lạc bộ tiếng Anh, thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa [H5 - 5.4 - 03]; [H5 - 5.4 - 04].

- Các hoạt động giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm được Ban giám hiệu nhà trường đánh giá, sơ kết, tổng kết hàng năm [H1 - 1.8 - 01].

2. Điểm mạnh.

- Nhà trường đã tổ chức tốt hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phân công và chia thời khóa biểu cho việc dạy hướng nghiệp lớp 9 cụ thể theo từng lớp học.

- Nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm cho học sinh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng phù hợp và mang tính thiết thực cao.

3. Điểm yếu.

Việc tổ chức hoạt động tham quan, trải nghiệm cho tất cả học sinh toàn trường chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Ban giám hiệu phải xây dựng kế hoạch hoạt động và bố trí kinh phí để tổ chức hoạt động tham quan, trải nghiệm cho tất cả học sinh trong trường thường xuyên hơn để giúp các em có điều kiện tiếp cận các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp một cách cụ thể hơn.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí: 5.5: Hình thành, phát triển kỹ năng sống cho học sinh.

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

- Nhà trường đã có kế hoạch tổ chức giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh rất cụ thể. Trường cũng rất chú trọng công tác giáo dục, rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh trong mọi hoạt động giáo dục của trường [H5 - 5.4 - 01]; [H5 - 5.4

- 03]; [H5 - 5.4 - 04]; Ngoài ra, Đội TNTP Hồ Chí Minh cũng phối hợp với nhà trường lên kế hoạch cụ thể và tổ chức các hoạt động giáo dục ATGT, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, hoạt động lao động, sinh hoạt ngoại khóa, tham quan học hỏi [H5 - 5.5 - 01].

- Nhờ vào việc giáo dục kỹ năng sống, học sinh đã có ý thức chấp hành tốt luật giao thông, biết cách phòng chống đuối nước và các tai nạn thương tích khác.

- Đặc biệt, các em đã hưởng ứng tốt việc chấp hành luật giao thông. Học sinh đã thực hiện tốt các quy định về cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết thân ái giúp đỡ lẫn nhau. Thông qua các buổi hoạt động ngoại khóa giáo dục tư vấn về sức khỏe thể chất, tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân và gia đình mà học sinh có ý thức hơn trong hành vi ứng xử với bạn bè cùng lớp, cùng lứa tuổi và cải thiện các mối quan hệ bạn bè. Từ đó các mối quan hệ bạn bè ngày càng thân thiện và tích cực hơn [H5 - 5.1 - 01].

- Các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh trong nhà trường từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1 - 1.1 - 01].

1.2. Mức 2.

- Nhà trường đã hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập của mình thông qua các buổi sinh hoạt lớp, họp chi đội, liên đội. Đây là việc làm hết sức quan trọng đã giúp học sinh biết tự nhìn nhận về khả năng tiến bộ của mình qua quá trình tự rèn luyện và học tập [H1 - 1.3 - 08]; [H1 - 1.3 - 12].

- Thông qua những buổi sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt câu lạc bộ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, những buổi sinh hoạt tập thể, học sinh đã từng bước hình thành và phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn và tham gia cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết tình huống thực tiễn, thi nghiên cứu khoa học đạt nhiều giải thưởng cao [H5 - 5.5 - 02].

1.3. Mức 3:

Thông qua các hoạt động dạy học, hoạt động NGLL đã từng bước hình thành trong các em niềm đam mê khoa học, các công trình nghiên cứu của các em được đội ngũ thầy cô nhà trường tận tâm hướng dẫn như: Một số giải pháp phòng chống lừa đảo trên mạng xã hội; Điều chế thuốc trừ sâu sinh học từ thiên nhiên và dụng cụ tự làm dùng để bắt muỗi, côn trùng và làm đèn ngủ.... Kết quả trong ba năm qua, đạt 3 giải cấp TP [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh.

- Chương trình giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, duy trì thường xuyên, có hiệu quả thông qua các giờ học trên lớp, các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Nhà trường đã chỉ đạo, giám sát, kiểm tra chặt chẽ nên các hoạt động này đều đạt hiệu quả cao.

- Học sinh vận dụng tốt các kỹ năng sống vào cuộc sống hằng ngày, tạo cho các em có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ ở mức độ đơn giản và tham gia các hội thi đạt kết quả cao.

3. Điểm yếu.

Kỹ năng học sinh tham gia làm các sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật còn chưa cao, cần có sự hỗ trợ nhiều của giáo viên. Một số ít học sinh trong giao tiếp, thuyết trình chưa mạnh dạn; một số em còn thụ động khi tham gia các phong trào.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Phổ biến tới tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên cũng như học sinh hiểu rõ tầm quan trọng của giáo dục về kỹ năng sống và ứng xử có văn hoá trong nhà trường ngay từ đầu năm; Tổ chức thực hiện tốt hơn việc giáo dục tư vấn về sức khỏe thể chất, tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân và gia đình thông qua hoạt động ngoại khóa và tích hợp trong nội dung các môn Sinh học, Giáo dục công dân; Tăng cường hơn nữa giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Phát huy hơn nữa vai trò của tổ tư vấn học đường đối với học sinh và phụ huynh nhằm giúp các em những kỹ năng cần thiết.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng.

1.1. Mức 1:

- Liên tục 05 năm học qua, kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm, tỷ lệ học sinh lên lớp của nhà trường luôn đạt trên 95%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS trên 96% (Đạt yêu cầu theo chỉ tiêu đăng ký của nhà trường hàng năm) [**H1 - 1.1 - 01**]; [**H5 - 5.1 - 05**]; [H5 - 5.6 - 01].

- Nhà trường luôn chú trọng công tác định hướng, phân luồng học sinh thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp, các buổi họp với phụ huynh, chủ động phối hợp với các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm hướng nghiệp dạy nghề để thực hiện công tác tư vấn nghề và hướng nghiệp sau khi tốt nghiệp THCS cho học sinh [**H1 - 1.1 - 01**]; [**H5 - 5.4 - 01**]; [H5 - 5.6 - 02].

1.2. Mức 2:

- Hàng năm nhà trường đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư 58 và Thông tư 26 của Bộ GD&ĐT ban hành. Trong những năm học vừa qua, kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh luôn đạt theo kế hoạch của nhà trường và có chuyển biến tích cực. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi, khá tăng đều, tỉ lệ học sinh yếu giảm, tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt luôn trên 75% [**H5 - 5.2 - 01**].

- Trong những năm qua, tỉ lệ học sinh lên lớp của nhà trường và tỉ lệ tốt nghiệp THCS luôn được duy trì ổn định, đạt theo kế hoạch của nhà trường [**H5 - 5.2 - 01**]; [**H5 - 5.6 - 01**].

1.3. Mức 3:

- Hàng năm nhà trường đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư 58 và Thông tư 26, Thông tư 22 của Bộ GD&ĐT ban hành. Trong những năm học vừa qua, kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh luôn đạt theo kế hoạch của nhà trường và có chuyển biến tích cực.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi về học lực của trường luôn đạt từ 10% trở lên, trong những năm qua và tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường luôn giữ mức từ 36.2% - 51.7%. Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường luôn dưới 5% trong 5 năm vừa qua.

- Trong suốt 05 năm vừa qua, nhà trường có tỉ lệ học sinh bỏ học không quá 1%/năm và học sinh lưu ban hàng năm không quá 2%/năm.

2. Điểm mạnh.

- BGH nhà trường ngay từ đầu năm học đã xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu về học lực và hạnh kiểm cụ thể. Tổ chức cho các tổ trưởng đăng ký chỉ tiêu cần đạt được theo từng môn học rất rõ ràng, cụ thể và rất dân chủ.

- Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn đạt theo kế hoạch năm học và có chiều hướng tăng nhẹ theo từng năm.

- Tỷ lệ học sinh yếu kém luôn giữ mức dưới 05% và tỉ lệ lưu ban, bỏ học đảm bảo chỉ tiêu là dưới 01% bỏ học và dưới 02% học sinh lưu ban hàng năm.

3. Điểm yếu.

Một số ít học sinh do hoàn cảnh gia đình: Ba mẹ đi làm ăn xa gửi con ở nhà cho ông, bà...; ba mẹ ly hôn phải ở với ông bà nội, ngoại, những em này thường năng lực học tập sa sút, thường phải rèn luyện trong hè để kiểm tra lại mới đủ điều kiện lên lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường phối hợp với chính quyền và các đoàn thể địa phương, phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh có biện pháp giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn để các em có điều kiện vươn lên trong học tập. Chỉ đạo cho giáo viên chủ nhiệm và tập thể lớp quan tâm giúp đỡ để các em tiến bộ.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt

b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3.

*** Kết luận về tiêu chuẩn 5.**

- Trong những năm qua nhà trường đã thực hiện tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của ngành và chương trình giáo dục của nhiệm vụ từng năm học. Thực hiện nghiêm túc chương trình và kế hoạch giáo dục của Bộ GD&ĐT, các quy định chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phổ cập giáo dục ở địa phương; tổ chức được các hoạt động văn hóa thể thao với sự tham gia tích cực của học sinh, đồng thời chú trọng công tác rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh đạt và vượt yêu cầu của các chỉ số theo chuẩn quy định.

Tồn tại: Vấn đề giáo dục, tư vấn về giới tính, về tình yêu, hôn nhân gia đình phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh thực hiện chưa thường xuyên.

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

- + Mức 1 đạt: 6/6 tiêu chí, tỷ lệ: 100%
- + Mức 2 đạt: 6/6 tiêu chí, tỷ lệ: 100%
- + Mức 3 đạt: 2/4 tiêu chí, tỷ lệ: 50%

- Số lượng các tiêu chí chưa đạt yêu cầu:

- + Mức 1 chưa đạt: 0/6 tiêu chí, tỷ lệ: 0%
- + Mức 2 chưa đạt: 0/6 tiêu chí, tỷ lệ: 0%
- + Mức 3 chưa đạt: 2/4 tiêu chí, tỷ lệ: 50%

- Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt mức 2.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4:

1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Nhà trường có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

4. Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

6. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng.

a) Trường chưa đủ năng lực và khả năng tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để vận dụng tại đơn vị.

b) Đa số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân, tuy nhiên vẫn còn nhiều học sinh chưa phát huy hết khả năng vốn có của bản thân, một phần điều kiện thực tế của trường chưa đáp ứng, phần khác là với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan chưa đảm bảo.

c) Chưa có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

d) Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, chưa phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện chưa có kết nối Internet băng thông rộng, chưa có tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

e) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

f) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa có kết quả giáo dục, các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

2. Điểm mạnh.

Về cơ bản từng bước đổi mới phương pháp dạy học, từng bước quan tâm đến dạy học phát triển năng lực của từng đối tượng học sinh; bước đầu tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật; đầu tư cho cơ sở vật chất thư viện; thực hiện hiệu quả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường, đầu tư cho chất lượng mũi nhọn.

3. Điểm yếu.

Chưa có khả năng nghiên cứu chương trình các nước trong khu vực; chưa có điều kiện dạy học phát triển toàn diện đối với học sinh và từng học sinh; việc tham gia

nghiên cứu khoa học chưa đạt hiệu quả; hạ tầng công nghệ hiện đại, tài liệu số chưa đáp ứng yêu cầu; chưa thật sự nổi trội so với các trường tương đồng trong khu vực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Tiếp tục nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông mới, từng bước áp dụng, triển khai dạy học tại đơn vị đạt hiệu quả.
- Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, tích cực tổ chức các hoạt động nhằm phát huy năng lực của từng học sinh.
- Tiếp tục triển khai và tham gia hiệu quả cuộc thi nghiên cứu khoa học các cấp, định hướng cho học sinh tự nghiên cứu khoa học.
- Tăng cường công tác xã hội hóa, tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ hiện đại, tài liệu số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục hiện nay.
- Đầu tư chất lượng mũi nhọn; chất lượng, năng lực chuyên sâu cho giáo viên và học sinh của trường.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá một cách liên tục trong suốt quá trình làm việc, đầu tư công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường, đặc biệt là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá của trường được hoàn thành là thành quả của quá trình lao động sáng tạo không ngừng của tập thể sư phạm. Đây là một công trình khoa học thể hiện sự tập trung trí tuệ cao nhất, sự đồng lòng hợp sức của Ban giám hiệu, các đoàn thể, giáo viên, nhân viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng quyết tâm vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng giáo dục. Để chứng tỏ những thành quả to lớn trong quản lý, trong hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường. Từ đó không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục, khẳng định vị thế và uy tín của nhà trường, phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Trong suốt quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ GD&ĐT đã ban hành, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh rất tâm đắc trước những thành quả mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua: Công tác quản lý và tổ chức nhà trường; Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhà

trường; chất lượng đại trà và chất lượng phong trào; việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; về công tác tài chính và cơ sở vật chất; sự phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh và kết quả giáo dục.

Đôi chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá được Bộ GD&ĐT ban hành. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và tiêu chuẩn như sau:

Mức đánh giá	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Số tiêu chí đạt	28	100	28	100	12	60	0	0
Số tiêu chí không đạt	0	0	0	0	8	40	0	0
Số tiêu chuẩn đạt	5	100	5	100	1	20	0	0
Số tiêu chuẩn không đạt	0	0	0	0	4	80	0	0

*** Nhà trường tự đánh giá:**

- Đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức 2.

- Đạt chuẩn Quốc gia: Mức độ 1.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường THCS Nghĩa Dũng về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông và đánh giá các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia. Nhà trường kính mong được Phòng GD&ĐT thành phố, chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT Quảng Ngãi (B.cáo);
- Phòng GD&ĐT (B/cáo);
- Đảng ủy, UBND xã Nghĩa Dũng;
- Lưu: VT, Hồ sơ KĐCL.

**TM. HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHỦ TỊCH**

**Trần Xuân Hạnh
HIỆU TRƯỞNG TRƯỞNG THCS**

Phần IV
PHỤ LỤC

DANH MỤC MÃ THÔNG TIN VÀ MINH CHỨNG

Tiêu chuẩn 1		Mã thông tin minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Người ban hành hoặc người thực hiện
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	2019	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết của Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã	Từ năm 2019-2023	Đảng ủy xã, HĐND xã
	3	[H1-1.1-03]	Công thông tin điện tử của nhà trường http://thcsnghiadung.edu.vn (<i>quan sát</i>)		Quản trị Web
	4	[H1-1.1-04]	Biên bản họp Hội đồng trường	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hội đồng trường
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	UBND TP
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng; Hồ sơ thi đua, khen thưởng	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng, Văn thư
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng tư vấn	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Nghị quyết của Hội đồng trường	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hội đồng trường
	5	[H1-1.1-04]	Biên bản hội đồng trường	Từ năm 2018-2019	Hội đồng

				đến năm 2022-2023	trường
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định chuẩn y Cấp ủy, Bí thư, Phó bí thư; Nghị quyết chi bộ	Nhiệm kỳ 2020-2025	Đảng ủy xã; Chi bộ
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y công nhận BCH, Chủ tịch, Phó chủ tịch công đoàn.	Nhiệm kỳ 2017-2022	LĐLĐ
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định chuẩn y BCH Chi đoàn	Nhiệm kỳ 2020-2025	Chi đoàn
	4	[H1-1.3-04]	Quyết định công nhận BCH Liên đội	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	TPT Đội
	5	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động của Chi bộ	Nhiệm kỳ 2020-2025	Chi bộ
	6	[H1-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn	Nhiệm kỳ 2017-2022	Công đoàn
	7	[H1-1.3-07]	Kế hoạch hoạt động của Chi đoàn	Nhiệm kỳ 2020-2025	Chi đoàn
	8	[H1-1.3-08]	Kế hoạch hoạt động của Liên đội	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	TPT Đội
	9	[H1-1.3-09]	Biên bản của Chi Bộ	Theo nhiệm kỳ	Chi bộ
	10	[H1-1.3-10]	Biên bản của BCH Công đoàn	Theo nhiệm kỳ	Công đoàn
	11	[H1-1.3-11]	Biên bản của BCH Chi đoàn	Theo nhiệm kỳ	Chi đoàn
	12	[H1-1.3-12]	Biên bản của Liên đội	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	TPT Đội
	13	[H1-1.3-13]	Tổng hợp đánh giá xếp loại Chi bộ 5 năm liền kề	Từ năm 2019-2023	Đảng ủy xã
	14	[H1-1.3-14]	Kế hoạch Chi hội Khuyến học; Kế hoạch Chi hội Chữ	Từ năm 2018-2019	Chi hội KH,

			thập đở	đến năm 2022-2023	CTĐ
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm HT, PHT	Theo nhiệm kỳ	UBND TP
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó: tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng, Văn thư
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Tổ trưởng các tổ
	4	[H1-1.4-04]	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Tổ trưởng các tổ
	5	[H1-1.4-05]	Các chuyên đề, hồ sơ sinh hoạt chuyên môn theo NCBH, theo chủ đề	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Tổ trưởng chuyên môn
	6	[H1-1.4-06]	Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Tổ trưởng các tổ
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách học sinh hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Văn thư
	2	[H1-1.5-02]	Sổ đăng bộ	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Văn thư
	3	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm; Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó của các lớp	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	GVCN các năm học
	4	[H1-1.5-04]	Biên bản sinh hoạt lớp	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	GVCN các năm học
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý công văn đến, công văn đi; Sổ theo dõi HS chuyển đến, chuyển đi; Sổ gọi tên và ghi điểm; Sổ đầu bài; Sổ cấp phát bằng TN THCS	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý tài sản	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022	Kế toán

	3	[H1-1.6-03]	Dự toán sử dụng ngân sách hàng năm	Từ năm 2018 đến năm 2022	Kế toán
	4	[H1-1.6-04]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Từ năm 2019 đến năm 2023	Kế toán
	5	[H1-1.6-05]	Báo cáo tài chính hàng năm	Từ năm 2018 đến năm 2022	Kế toán
	6	[H1-1.6-06]	Thông báo của tài chính cấp trên về kết quả kiểm tra dự toán ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm	Từ năm 2018 đến năm 2022	Kế toán
	7	[H1-1.6-07]	Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm	Từ năm 2018 đến năm 2022	Kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Kết luận thanh tra, kiểm tra	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng, Văn thư
	9	[H1-1.6-09]	Hợp đồng tiếp nhận tài trợ của Viettel	Theo năm tài chính	Văn thư
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7- 01]	Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ, giấy báo nhập học (<i>hiện nay</i>) của GV	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng, GV
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch, kết quả BDTX GV	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng, Văn thư
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công nhiệm vụ hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Bảng nhận chế độ, lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hàng tháng	Từ năm 2018 đến năm 2023	Kế toán
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học (<i>Kế hoạch giáo dục hàng năm</i>)	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên	Từ năm 2018-2019	GVBM

				đến năm 2022-2023	
	3	[H1-1.8-03]	Phân phối chương trình	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT
	4	[H1-1.8-04]	Sổ biên bản họp HĐSP	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Thư ký hội đồng
	5	[H1-1.8-05]	Hồ sơ dạy thêm, học thêm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Biên bản, nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng, Văn thư
	2	[H1-1.8-04]	Sổ biên bản họp HĐSP	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Thư ký hội đồng
	3	[H1-1.9-02]	Nội quy, quy chế trường học	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
	4	[H1-1.9-03]	Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; Báo cáo của ban thanh tra nhân dân hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH; Ban TTND
	5	[H1-1.9-04]	Hồ sơ thực hiện 3 công khai	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
	6	[H1-1.9-05]	Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
	7	[H1-1.9-06]	Báo cáo về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Công đoàn
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Quy chế phối hợp với Công an	Từ năm 2020 đến năm 2025	BGH
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch phối hợp với Trạm Y tế	Từ năm 2020 đến năm 2025	BGH
	3	[H1-1.10-03]	Cam kết của HS với GVCN; GVCN với nhà trường	Từ năm 2018-2019	TPT Đội

				đến năm 2022-2023	
	4	[H1-1.10-04]	Ảnh chụp hộp thư góp ý (<i>quan sát</i>)		TPT Đội
	5	[H1-1.10-05]	SĐT đường dây nóng		BGH
	6	[H1-1.10-06]	Hình ảnh ngoại khóa về bình đẳng giới		TPT Đội
	7	[H1-1.10-07]	Văn bản phối hợp giải quyết các vụ việc		BGH
Tiêu chuẩn 2	1	[H2-2.1-01]	Bằng tốt nghiệp ĐH của HT, PHT		BGH
	2	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn HT, PHT; Phiếu đánh giá xếp loại chuẩn HT, PHT của cấp trên	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	UBND TP
Tiêu chí 2.1	3	[H2-2.1-03]	Văn bằng trên ĐH của HT, PHT		BGH
	4	[H2-2.1-04]	Bằng tốt nghiệp TCELL-CT của HT, PHT		BGH
	5	[H2-2.1-05]	Giấy chứng nhận học lớp Quản lý giáo dục của HT, PHT		BGH
	6	[H2-2.1-06]	Thành tích đạt được của HT, PHT	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	
	7	[H2-2.1-07]	Trình độ ngoại ngữ, tin học của HT, PHT	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
	8	[H2-2.1-08]	Phiếu biểu quyết đánh giá của CB, VC nhà trường đối với việc đánh giá chuẩn HT, PHT hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH, VT
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Văn thư
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ quản lý nhân sự của nhà trường; Văn bằng đào tạo giáo viên	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng, Văn thư
	3	[H2-2.2-03]	Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hàng năm theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH, GV

	4	[H1-1.7- 01]	Giấy báo nhập học (<i>hiện nay</i>) của GV		GV
	5	[H2-2.2-04]	Giấy chứng nhận, bằng khen, giấy khen giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, các danh hiệu khác của GV		GV
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Danh sách nhân viên của trường có thông tin về trình độ đào tạo; Văn bằng đào tạo của nhân viên	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH, NV
	2	[H2-2.3-02]	Bảng phân công nhiệm vụ nhân viên hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
	3	[H2-2.3-03]	Kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH, NV
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng, Văn thư
	2	[H2-2.4-02]	Hồ sơ khám sức khỏe học sinh	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Kế toán
	3	[H2-2.4-03]	Hồ sơ học sinh hưởng các chế độ	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Kế toán
	4	[H2-2.4-04]	Quyết định khen thưởng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phòng GD, HT, VT
	5	[H2-2.4-05]	Hồ sơ kỷ luật học sinh	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng, Văn thư
Tiêu chuẩn 3	1	[H3-3.1-01]	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà trường	Năm 2020	Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường; Ảnh chụp khuôn viên của nhà trường (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
	3	[H3-3.1-03]	Ảnh chụp công, biển tên trường, hàng rào bao quanh theo quy định (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC

chí 3.1	4	[H3-3.1-04]	Ảnh chụp khu sân chơi bãi tập (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Ảnh chụp phòng học (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
	2	[H3-3.2-02]	Ảnh chụp các phòng bộ môn, phòng nghe nhìn, phòng tin (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
	3	[H3-3.2-03]	Ảnh chụp phòng Thư viện, phòng hoạt động Đoàn – Đội, phòng truyền thống (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Sơ đồ từng khu: khối phòng hành chính quản trị (<i>quan sát</i>)		BGH, Phụ trách CSVC
	2	[H3-3.3-02]	Ảnh chụp phòng họp CB, GV, NV, phòng các tổ chuyên môn, phòng Văn thư, Kế toán, Y tế trường học (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
	3	[H3-3.3-03]	Ảnh chụp nhà để xe GV, HS (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
	4	[H1-1.6-07]	Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm	Từ năm 2017 đến năm 2021	Kế toán
	5	[H3-3.3-04]	Hồ sơ sửa chữa CSVC, bổ sung thiết bị	Từ năm 2017 đến năm 2021	Kế toán
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Ảnh chụp khu nhà vệ sinh GV, HS (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
	2	[H3-3.4-02]	Hồ sơ cung cấp nước uống của cơ sở sản xuất	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phụ trách CSVC
	3	[H3-3.4-03]	Ảnh chụp khu thu gom rác thải (<i>quan sát</i>); Hồ sơ thanh toán xử lý rác thải	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Kế toán
Tiêu	1	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý tài sản	Từ năm 2017	Kế toán

chí 3.5				đến năm 2021	
	2	[H1-1.6-09]	Hợp đồng tiếp nhận tài trợ của Viettel		HT, VT
	3	[H3-3.5-01]	Hình ảnh âm thanh sinh hoạt ngoài trời (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
	4	[H3-3.5-02]	Sổ đăng ký mượn đồ dùng, thiết bị dạy học	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phụ trách CSVC
	5	[H3-3.5-03]	Hình ảnh phòng Tin học và các phòng bộ môn (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
	6	[H3-3.5-04]	Hồ sơ thanh lý tài sản	Từ năm 2017 đến năm 2021	Hiệu trưởng, Văn thư
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục sách, báo và tài liệu tham khảo		Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Ảnh chụp nội quy thư viện, máy tính, máy in kết nối Internet (<i>quan sát</i>)		Thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Kế hoạch hoạt động của thư viện	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Sổ theo dõi việc cho mượn sách	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Sổ kiểm kê sách, báo, tài liệu tham khảo hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Thư viện
Tiêu chuẩn 4	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp và nhà trường	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Trưởng Ban đại diện
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Trưởng Ban đại diện
Tiêu	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh;	Từ năm 2018-2019	Trưởng ban

chí 4.1			Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh	đến năm 2022-2023	đại diện
	4	[H4-4.1- 04]	Quy chế phối hợp của Ban đại diện CMHS	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Trưởng ban đại diện
	5	[H4-4.1- 05]	Hồ sơ vận động HS ra lớp	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Văn bản của nhà trường tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển giáo dục.	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
	2	[H3-3.2-02]	Ảnh chụp các phòng bộ môn, phòng nghe nhìn, phòng tin (<i>quan sát</i>)		Phụ trách CSVC
	3	[H1-1.1-01]	Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	2018	Hiệu trưởng
	4	[H4-4.2-02]	Hồ sơ Chi hội khuyến học	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Chi hội KH
	5	[H4-4.2-03]	Hồ sơ xã hội hóa giáo dục		BGH
	6	[H4-4.2-04]	Ảnh chụp chăm sóc Nhà bia tưởng niệm các Liệt sĩ, chăm sóc Mẹ Việt Nam Anh hùng		TPT Đội
	7	[H1-1.3-08]	Kế hoạch hoạt động của Liên đội	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	TPT Đội
Tiêu chuẩn 5	1	[H1-1.8-01]	Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học (<i>Kế hoạch giáo dục hàng năm</i>)	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	TT, GVBM
Tiêu chí	3	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT

5.1	4	[H5-5.1-02]	Hồ sơ dự giờ của GV	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	GVBM	
	5	[H1-1.4-05]	Các chuyên đề, hồ sơ sinh hoạt chuyên môn theo NCBH, theo chủ đề	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	TT, GVBM	
	6	[H5-5.1-03]	Kế hoạch đổi mới phương pháp và kiểm tra đánh giá	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT	
	7	[H5-5.1- 04]	Hồ sơ kiểm tra học kì; Đề kiểm tra 1 tiết, kiểm tra học kì	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT, Tổ trưởng	
	8	[H5-5.1- 05]	Hồ sơ bồi dưỡng học sinh giỏi hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	9	[H5-5.1- 06]	Hồ sơ phụ đạo học sinh yếu kém hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	10	[H5-5.1- 07]	Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm cuối năm. Báo cáo tổng kết chuyên môn	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	11	[H2-2.4- 04]	Quyết định khen thưởng học sinh giỏi văn hóa, năng khiếu hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	PGD TP, BGH	
	Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.1- 04]	Hồ sơ kiểm tra học kì; Đề kiểm tra 1 tiết, kiểm tra học kì	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT, Tổ trưởng
		2	[H5-5.1- 05]	Hồ sơ bồi dưỡng học sinh giỏi hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó hiệu trưởng
		3	[H5-5.1- 06]	Hồ sơ bồi dưỡng học sinh giỏi hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó hiệu trưởng
4		[H5-5.2- 01]	Hình ảnh tổ chức văn nghệ, Tết Trung thu		TPT Đội	
5		[H2-2.4-03]	Hồ sơ học sinh hưởng các chế độ	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Kế toán	

	6	[H2-2.4-04]	Quyết định khen thưởng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phòng GD, HT, VT
	7	[H5-5.2- 02]	Tổng hợp kết quả giáo dục 5 năm liền kề	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT
	8	[H5-5.2- 03]	Hồ sơ câu lạc bộ Tiếng Anh	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT
Tiêu chí 5.3	1	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	GVBM
	2	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT
	3	[H5-5.3-01]	Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương từng môn học	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT
	4	[H5-5.3-02]	Tập bài soạn về nội dung giáo dục địa phương từng môn học	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	GVBM
	5	[H1-1.2-04]	Nghị quyết của Hội đồng trường	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hội đồng trường
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó HT
	2	[H5-5.4- 01]	Kế hoạch các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng
	3	[H5-5.4- 02]	Hình ảnh ngoại khóa, trải nghiệm, hướng nghiệp		TPT Đội
	4	[H5-5.4- 03]	Hình ảnh chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng		TPT Đội
	5	[H5-5.4- 04]	Hình ảnh các trò chơi dân gian		TPT Đội
	6	[H5-5.2- 01]	Hình ảnh tổ chức văn nghệ, Tết Trung thu		TPT Đội

Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.4- 01]	Kế hoạch các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng
	2	[H5-5.4- 03]	Hình ảnh chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng		TPT Đội
	3	[H5-5.4- 04]	Hình ảnh các trò chơi dân gian		TPT Đội
	4	[H5-5.5- 01]	Hình ảnh giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh (ATGT, Bình đẳng giới)		Hiệu trưởng
	5	[H1-1.1-01]	Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	2018	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.3-08]	Kế hoạch hoạt động của Liên đội	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	TPT Đội
	7	[H1-1.3-12]	Biên bản của Liên đội	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	TPT Đội
	8	[H5-5.5- 02]	Kết quả thi KHKT của học sinh	Năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.6	1	[H1-1.1-01]	Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	2018	Hiệu trưởng
	2	[H5-5.1- 07]	Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm cuối năm. Báo cáo tổng kết chuyên môn	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.6- 01]	Danh sách học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
	4	[H5-5.4- 01]	Các kế hoạch các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Hiệu trưởng
	5	[H5-5.6-02]	Thống kê tỉ lệ học sinh đỗ vào lớp 10 hàng năm	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH

	6	[H5-5.2-01]	Tổng hợp kết quả giáo dục 5 năm liền kề	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	BGH
--	---	-------------	---	---------------------------------------	-----